



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



MỤC LỤC

1.THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
2.GIỚI THIỆU NGÂN HÀNG	06
- THÔNG TIN CHUNG	08
- CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT	09
- QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	10
- THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	16
3.BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	17
- CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2012	18
- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CỦA PG BANK	20
- HUY ĐỘNG VỐN	21
- SỬ DỤNG VỐN	21
HOẠT ĐỘNG CHO VAY	21
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN	23
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ	23
- HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ	23
HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN VÀ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI	23
DỊCH VỤ THẺ	24
- HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ	24
QUẢN LÝ RỦI RO	24
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	24
PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ MẠNG LƯỚI	25
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	25
- HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI	26
4.ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2013	27
5.BÁO CÁO TÀI CHÍNH	28
6.MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	67

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BUI NGỌC BAO





THÔNG TIN NGÂN HÀNG

- TÊN ĐẦY ĐỦ: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX**
- TÊN TIẾNG ANH: **PETROLIMEX GROUP COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- TÊN VIẾT TẮT: **PG BANK**
- TÊN GIAO DỊCH: **NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX**
- GIẤY PHÉP THÀNH LẬP: SỐ 0045/NH-GP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (NHNN) CẤP NGÀY 13/11/1993
- HỘI SỞ CHÍNH: TẦNG 16, 23 VÀ 24, TÒA NHÀ MIPEC, SỐ 229 TÂY SƠN, PHƯỜNG NGÃ TƯ SỞ, QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
- WEBSITE: WWW.PGBANK.COM.VN
- EMAIL: DVKH.PGBANK@PETROLIMEX.COM.VN
- ĐIỆN THOẠI: (+84) 4 6281 1298
- FAX: (+84) 4 6281 1299
- MÃ SỐ THUẾ: 1400116233
- MÃ SWIFT: PGBLVNVX



CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT

Ngân hàng loại A năm 2007, 2008, 2009, 2010

(do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)

Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2009, 2010

(do Bộ Công thương trao tặng)

Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ Việt Nam 2009

(do Bộ Công thương bình chọn)

Top 100 Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2010

(do Bộ Công thương bình chọn)

Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012

(do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)

Bằng khen của BHXH Việt Nam năm 2011

(do Bảo hiểm xã hội Việt Nam trao tặng)

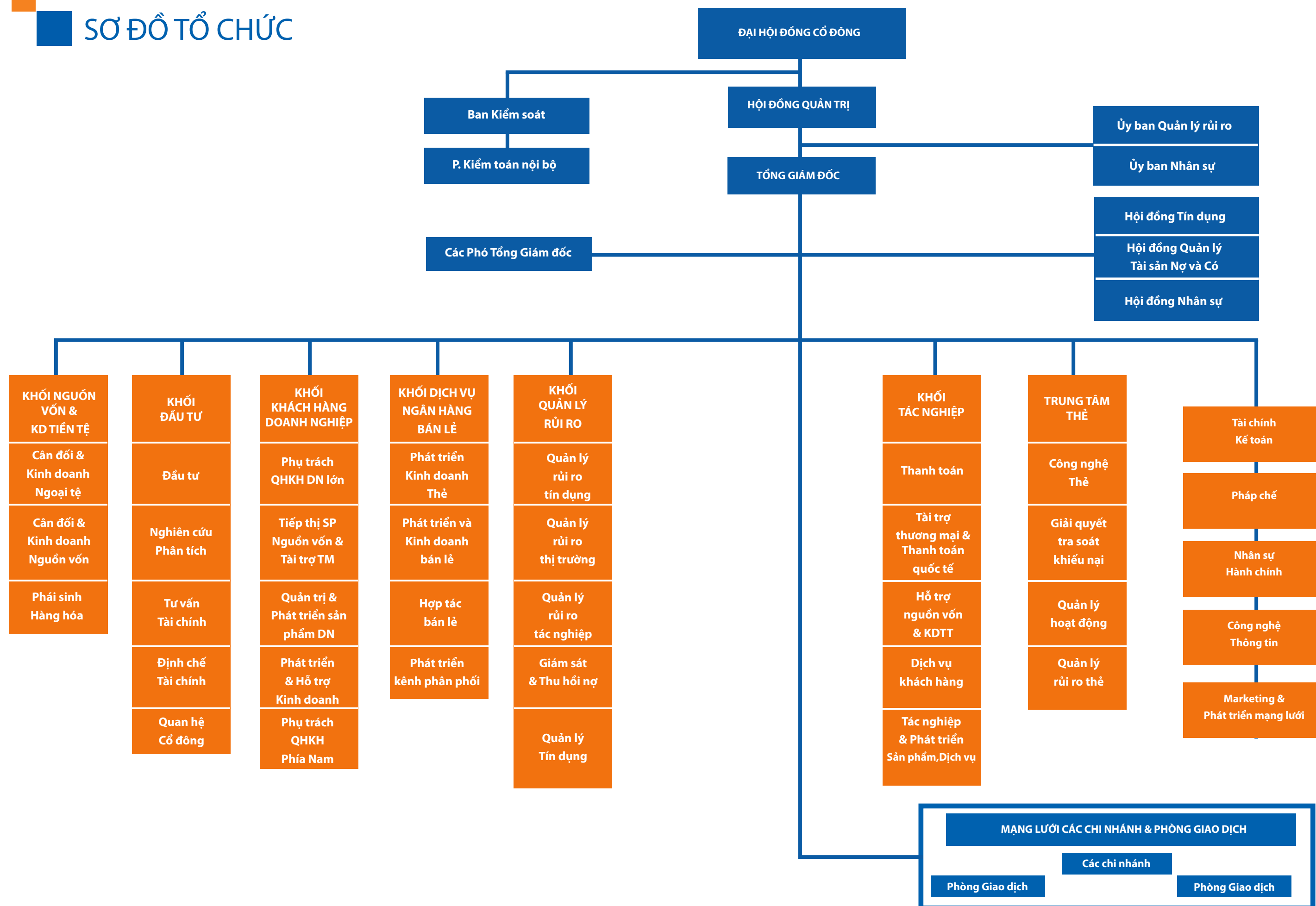
Cờ thi đua phong trào năm 2011

(do Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội trao tặng)

Tập thể lao động xuất sắc 2012

(do Ngân hàng Nhà nước trao tặng)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Ông Bùi Ngọc Bảo

Chủ tịch HĐQT

Ông Bùi Ngọc Bảo là Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế. Hiện nay, ông đang giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) - cổ đông lớn nhất của PG Bank. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, ông đã vinh dự nhận nhiều bằng khen của Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Với vai trò là Chủ tịch HĐQT PG Bank, ông đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc xây dựng định hướng phát triển, đồng thời, luôn có sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời đối với các hoạt động của Ngân hàng.

2. Ông Trần Long An

Ủy viên HĐQT

Ông Trần Long An đang giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát của Petrolimex. Ông An đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp chính trị sau khi tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán. Với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrolimex như Kế toán trưởng Công ty Dầu nhờn, Phó Giám đốc Công ty Hóa dầu. Trong quá trình công tác, ông đã nhận được nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, và của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Ngọc Năm

Ủy viên HĐQT

Ông Trần Ngọc Năm đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Petrolimex, đồng thời giữ vai trò là Người phát ngôn của Tập đoàn từ ngày 14/03/2012. Nhờ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, ông đã vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Là Cử nhân chuyên ngành Kế toán, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán, ông Năm gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng TMCP đô thị, và đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng ngày càng phát triển vững chắc.

4. Ông Nguyễn Quang Định

Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Quang Định đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Tài chính Kế toán và hoàn thành chương trình Quản trị Kinh doanh của Henley Management College (UK). Gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi mô hình hoạt động thành NH TMCP đô thị với vai trò là Tổng Giám đốc, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng đưa Ngân hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn và đạt được những bước phát triển vượt bậc. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, ông đã nhận được bằng khen của Bộ Công Thương và UBND TP Hà Nội.

5. Ông Nguyễn Mạnh Hải

Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Mạnh Hải hiện đang giữ các chức vụ: Thành viên Ban Đại diện Quỹ đầu tư năng động Việt Nam (VFA); Thành viên BKS CTCP Nhiên liệu bay Petrolimex; Giám đốc Khối Đầu tư PG Bank. Tốt nghiệp thủ khoa Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Điều hành Quốc tế của IE Business School - Madrid, Tây Ban Nha, và Cử nhân Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Reading, Vương quốc Anh, cùng với hơn 7 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Hải đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển vững mạnh của Khối Đầu tư và PG Bank. Tháng 9/2010, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Đầu tư và kiêm nhiệm vai trò Ủy viên HĐQT từ tháng 4/2011.

6. Ông Đinh Thành Nghiệp

Ủy viên HĐQT

Ông Đinh Thành Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PG Bank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, ông đảm nhiệm vai trò là Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc PG Bank. Ông Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị.

7. Ông Lê Minh Quốc

Ủy viên HĐQT

Tốt nghiệp Tiến sĩ về Địa chất - Vật lý tại Liên bang Nga, hiện ông Lê Minh Quốc đang đảm nhiệm các chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty Việt Năng; Phó Giám đốc CTCP Hóa dầu Quân đội (MIPEC); Giám đốc CTCP Bất động sản Mipex (Mipexland). Với nhiều năm kinh nghiệm quản lý, ông Lê Minh Quốc đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của PG Bank.

8. Ông Võ Văn Hiệp

Ủy viên HĐQT độc lập

Ông Võ Văn Hiệp hiện là Giám đốc của VI (Vietnam Investments) Partners, LLC và Thành viên HĐQT của CTCP Việt Nam Chitin. Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại học Harvard - đại học hàng đầu thế giới và Cử nhân Học viện Quân sự West Point - Hoa Kỳ, ông Hiệp có 14 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các tập đoàn tài chính lớn như Citi Group, VN Partners và Deutsche Bank. Tháng 4/2011, ông được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT độc lập PG Bank.

BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Nguyễn Quốc Trung

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Trung tốt nghiệp Đại học Thương mại năm 1993, đã có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính tại các công ty lớn như: Kế toán trưởng Công ty liên doanh BP Petco, Giám đốc Tài chính Công ty liên doanh hoá chất PTN và Schmidt Vietnam Co, phụ trách kiểm soát nội bộ của Total Refinery and Marketing Asia, v.v. Ông Trung được bầu vào Ban Kiểm soát PG Bank từ năm 2008 và tiếp tục được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu lại vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015 ở vị trí Trưởng Ban.



1

2

3

2. Bà Thái Thị Lan Hương

Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Thái Thị Lan Hương có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) và cử nhân Học viện Ngân hàng, bà Hương đã trải qua các vị trí: Kiểm soát viên Phòng Quản lý vay - Ngân hàng Chinfon, chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi nhánh Hà Nội; Phó phòng phụ trách phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Năm 2010, bà Hương được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phòng Kiểm toán nội bộ của PG Bank. Tháng 4/2012, bà được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát PG Bank.

3. Ông Nguyễn Quang Nghị

Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Ông Nguyễn Quang Nghị có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán. Tốt nghiệp Thạc sĩ Kế toán và Cử nhân Tài chính - Tín dụng, ông Nghị đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long và Công ty Xăng dầu Bắc Thái trước khi gia nhập PG Bank. Tháng 4/2010, ông chính thức được bầu là Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát PG Bank.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1

2

3

4

5

1. Ông Nguyễn Quang Định

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Định đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Tài chính Kế toán và hoàn thành chương trình Quản trị Kinh doanh của Henley Management College (UK). Gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi mô hình hoạt động thành NH TMCP đô thị với vai trò là Tổng Giám đốc, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng đưa Ngân hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn và đạt được những bước phát triển vượt bậc. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, ông đã nhận được bằng khen của Bộ Công Thương và UBND TP Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Nguyễn Tiến Dũng tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) và Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Trước khi gia nhập PG Bank, ông Dũng đã có 10 năm công tác trên cương vị quản lý tại các Ngân hàng lớn như Trưởng phòng Kinh doanh ngân hàng Woori-HN, PGD chi nhánh Hoàn Kiếm - Techcombank. Tháng 12/2009, ông Dũng được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank - phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp.

3. Ông Nguyễn Hồng Đức

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Quan hệ ĐCTC, Nhân sự Hành chính, Marketing và Phát triển mạng lưới

Ông Nguyễn Hồng Đức tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành

Quản trị Kinh doanh của Viện Công nghệ Châu Á (AIT) và Cử nhân Kinh tế Đối ngoại của Đại học Ngoại thương. Ông Đức đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng Chinfon - Chi nhánh Cambodia, Phó Chủ tịch - Phụ trách Định chế Tài chính - Ngân hàng Citibank, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu và Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank từ tháng 5/2011.

4. Ông Đinh Thành Nghiệp

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Khu vực phía Nam

Ông Đinh Thành Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PG Bank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, ông đảm nhiệm vai trò là Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc PG Bank. Ông Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị.

5. Ông Nguyễn Thành Tô

Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Nam California, Mỹ và cử nhân Kinh tế của Học viện Ngân hàng, ông Nguyễn Thành Tô đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trước khi gia nhập PG Bank, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao như: Phó Trưởng phòng kinh doanh Ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Phó Giám đốc Công ty Tài chính Việt Nam tại Hong Kong và Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính Vinaconex - Viettel. Ông cũng đã tham dự nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về kinh doanh tiền tệ, ngoại hối và sản phẩm thị trường tài chính tại nhiều nước trên thế giới. Tháng 9/2010 ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc PG Bank.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

(Cập nhật tại thời điểm 31/12/2012)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức	12	151.868.173	50,6227%
Nhà nước	1	120.000.000	40%
Cổ phần tư nhân	11	31.868.173	10,6227%
Nước ngoài	0	0	0%
Cá nhân	2.572	148.131.827	49,3773%
Trong nước	2.572	148.131.827	49,3773%
Nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng	2.584	300.000.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	66.000	0,0220%
2	Trần Long An	Ủy viên HĐQT	447.750	0,1493%
3	Trần Ngọc Năm	Ủy viên HĐQT	0	0%
4	Nguyễn Quang Định	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	41.289	0,0137%
5	Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Khởi Đầu tư	18.154	0,0060%
6	Đinh Thành Nghiệp	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.076.380	1,0255%
7	Lê Minh Quốc	Ủy viên HĐQT	13.971.000	4,6600%
8	Võ Văn Hiệp	Ủy viên HĐQT độc lập	0	0%
	Tổng cộng		17.620.573	5,8765%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quang Định	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	41.289	0,0137%
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	11.053	0,0036%
3	Nguyễn Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Đinh Thành Nghiệp	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.076.380	1,0255%
5	Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám Đốc	0	0%
	Tổng cộng		3.128.722	1,0428%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quốc Trung	Trưởng BKS	0	0%
2	Thái Thị Lan Hương	Thành viên BKS	13.703	0,0046%
3	Nguyễn Quang Nghị	Thành viên BKS	3.000	0,0010%
	Tổng cộng		16.703	0,0056%



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2012

1



Tăng vốn điều lệ lên mức 3.000 tỷ đồng

Tháng 8/2012, PG Bank chính thức tăng vốn điều lệ lên mức 3.000 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ lần này khẳng định năng lực tài chính không ngừng lớn mạnh của PG Bank, đồng thời tạo điều kiện để PG Bank mở rộng mạng lưới kinh doanh, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2



Nhận danh vị "Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" năm 2012 và lần thứ 5 đạt giải Thương hiệu mạnh Việt Nam

Năm 2012 PG Bank tiếp tục khẳng định nỗ lực phát triển không ngừng khi được vinh danh tại Lễ công bố Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp có tổng doanh thu lớn nhất Việt Nam năm 2012. Theo đó, PG Bank được vinh danh trong cả hai hạng mục: Top 500 Doanh nghiệp và Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Đây cũng là năm thứ 5 liên tiếp PG Bank nhận giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam" dành cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ Tài chính Ngân hàng.

3



Duy trì vị trí hàng đầu về kinh doanh ngoại hối; Nâng cao chất lượng hoạt động thanh toán

Năm 2012, PG Bank tiếp tục đứng trong nhóm các ngân hàng dẫn đầu về hoạt động kinh doanh ngoại hối trên thị trường liên ngân hàng. Tổng doanh số mua bán ngoại tệ năm 2012 đạt 10.768 triệu USD, với tổng lợi nhuận đạt 44,3 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, nhờ sử dụng hoàn toàn module xử lý điện tập trung, chất lượng hoạt động thanh toán của PG Bank được cải thiện rõ rệt. Thêm vào đó, việc tích hợp cổng thanh toán ghi nợ và chuyển khoản trực tuyến của BanknetVN vào hệ thống core banking đã cho phép giao dịch chuyển tiền được xử lý tức thời trên hệ thống chuyển mạch thẻ, nên người thụ hưởng tại ngân hàng khác có thể nhận được tiền ngay.

4



Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thẻ

Năm 2012 đánh dấu sự phát triển mang tính đột phá của PG Bank trong hoạt động kinh doanh thẻ khi hoàn thành và cho ra mắt nhiều sản phẩm mới, nhằm gia tăng tính cạnh tranh cho hoạt động kinh doanh thẻ của Ngân hàng.

Sản phẩm thẻ F-card của PG Bank được thiết kế dành riêng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và các doanh nghiệp, tổ chức có nhiều xe ô tô. Sản phẩm F-card đã hỗ trợ rất tích cực doanh nghiệp trong việc quản lý và kiểm soát chi phí mua xăng dầu.

Dự án thẻ PG Bank VISA Credit cũng đã được hoàn thành trong năm 2012 và dự kiến sẽ được phát hành rộng rãi từ những tháng đầu năm 2013 đáp ứng mọi nhu cầu mua sắm, tiêu dùng, du lịch của khách hàng tại hàng triệu điểm chấp nhận thẻ ở Việt Nam cũng như nước ngoài.

Với mục tiêu không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ Thẻ, đồng thời nhằm mang lại lợi ích và sự thuận lợi khi giao dịch rút tiền tại ATM cho khách hàng, tháng 8/2012, PG Bank chính thức tăng hạn mức rút tiền tối đa lên đến 4.000.000 đồng/1 lần giao dịch cho chủ thẻ PG Bank.

5



Hoàn thiện và đưa vào sử dụng dịch vụ Mobile Banking

Tháng 3/2012, PG Bank chính thức ra mắt dịch vụ Mobile Banking - dịch vụ ngân hàng điện tử qua trình duyệt web trên điện thoại di động. Với giao diện đơn giản, thân thiện và dễ thao tác cũng như tốc độ xử lý nhanh chóng, ổn định, Mobile Banking của PG Bank giúp khách hàng khai thác tối đa các tiện ích ngân hàng trực tuyến trên điện thoại di động.

6



Triển khai nhiều chương trình khuyến mại hỗ trợ công tác huy động vốn

Trong năm 2012, hàng loạt chương trình khuyến mại hấp dẫn như *Cào ngay trúng lớn*, *Du lịch châu Âu*, *Thu rộ vàng* hay *Thay lời cảm ơn...* được PG Bank triển khai và đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo khách hàng. Với những phần quà giá trị như xe máy Honda Vision, Du lịch Châu Âu, dụng cụ nhà bếp, hay thẻ xăng dầu, trung bình mỗi chương trình đã mang về cho PG Bank từ 1.000 – 2.000 tỷ đồng tiền gửi của khách hàng.

7



Xếp hạng tăng trưởng tín dụng 15%

Năm 2012 cũng ghi nhận dấu mốc quan trọng khi PG Bank chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xếp hạng tăng trưởng tín dụng ở mức 15% (nhóm 2). Xếp hạng mức tăng trưởng tín dụng dành cho các ngân hàng gồm 4 nhóm được NHNN đánh giá trên cơ sở tình hình hoạt động và khả năng tăng trưởng tín dụng của các tổ chức tín dụng theo Chỉ thị 01/CT-NHNN của NHNN ngày 13/02/2012 về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012.

8



Tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện

PG Bank tiếp tục thực hiện thành công sứ mệnh "Chung tay vì cộng đồng" thông qua nhiều hoạt động từ thiện xã hội như: tham gia "Cuộc chạy vì trẻ em Hà Nội 2012 - Terry Fox Run for Children" hay mua tranh ủng hộ trẻ em thiệt thòi đến từ các trường khiếm thị và làng trẻ em tại Hà Nội, v.v. Trong năm 2012, PG Bank đã trao tặng nhiều suất học bổng cho các sinh viên giỏi vượt khó các trường Đại học tại Hà Nội, tặng quà nhân dịp năm học mới cho học sinh nghèo tỉnh Hòa Bình và tại các tổ dân phố nơi điểm giao dịch của PG Bank hoạt động. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với gia đình thương binh liệt sỹ nhân dịp 27/7, phong trào Hiến máu nhân đạo do Petrolimex phát động đều nhận được sự hưởng ứng đông đảo, nhiệt tình của nhiều cá nhân, đơn vị trong Ngân hàng. Thông qua các hoạt động thiện nguyện này, PG Bank thể hiện quyết tâm sẽ chia sẻ cùng các đoàn thể xã hội để mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho những mảnh đời kém may mắn.

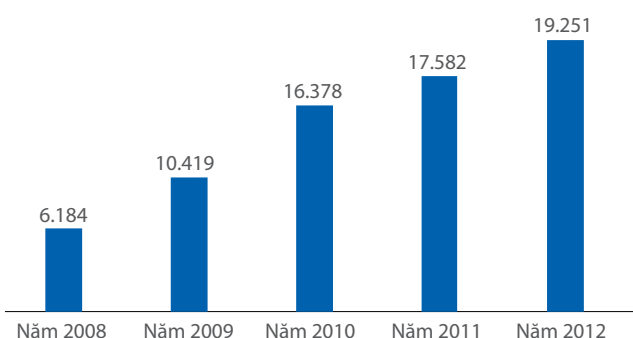
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CỦA PG BANK

Đơn vị tính: Tỷ VND

	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng tài sản	6.184	10.419	16.378	17.582	19.251
Tổng dư nợ	2.365	6.267	10.886	12.112	13.787
Tổng huy động	5.051	9.092	13.995	14.802	15.858
Vốn và các quỹ	1.024	1.082	2.172	2.591	3.194
Thu nhập lãi thuần	139	295	517	1.096	981
Tổng thu nhập	210	432	664	1.170	1.159
Lợi nhuận trước thuế	92	230	293	594	319
Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR)	26,9%	12,9%	20,6%	16,7%	22,6%
Số lượng nhân viên	530	876	1.149	1.375	1.441

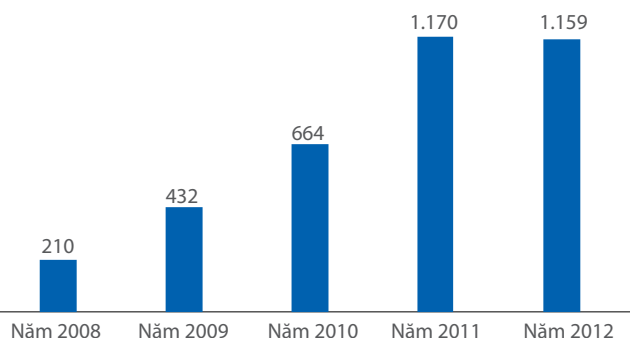
TỔNG TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng



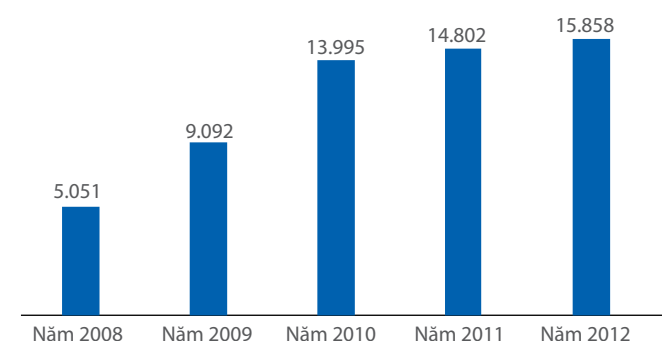
TỔNG THU NHẬP

ĐVT: Tỷ đồng



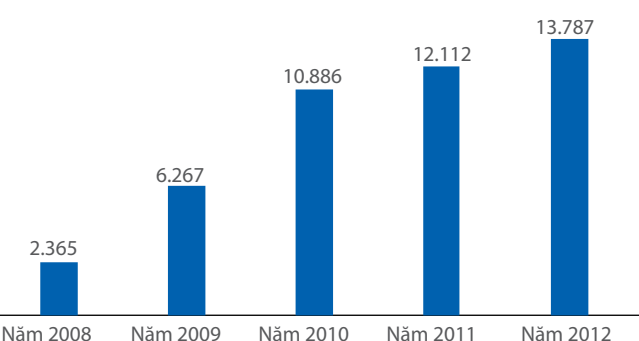
TỔNG HUY ĐỘNG

ĐVT: Tỷ đồng



TỔNG DƯ NỢ

ĐVT: Tỷ đồng



HUY ĐỘNG VỐN

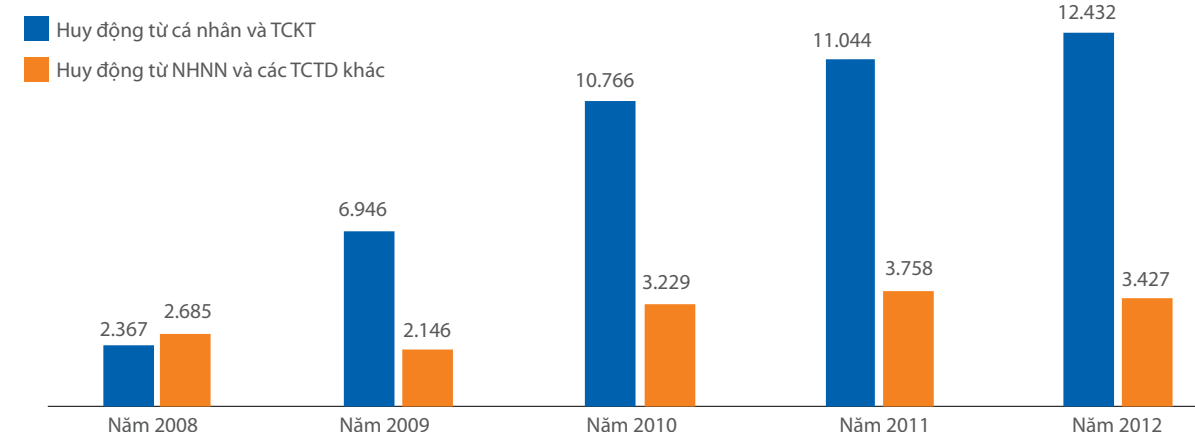
Năm 2012, NHNN đã 6 lần thực hiện điều chỉnh giảm lãi suất huy động, đưa lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi có kì hạn dưới 12 tháng tại các TCTD giảm từ 14% đầu năm xuống chỉ còn 8%/năm tại thời điểm cuối năm. Định hướng điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt của NHNN đã khiến các ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động huy động vốn.

Trong tình hình đó, PG Bank đã thực hiện nhiều giải pháp giữ ổn định và phát triển nguồn vốn như: Bám sát diễn biến lãi suất và có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp cho từng vùng, từng địa bàn, triển khai tốt các chương trình khuyến mại, đưa ra thêm sản phẩm huy động vốn linh hoạt. Các chương trình khuyến mại như “*Du lịch Châu Âu*”, “*Cào ngay trúng lớn*”, “*Thu rộ vàng giờ vàng may mắn*”, “*Gửi tiền online, quay ngay quà lớn*”, “*Du xuân hái lộc*” với những phần quà và giải thưởng có giá trị lớn đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía khách hàng và nâng cao hiệu quả cho hoạt động huy động vốn. Doanh số huy động trung bình từ mỗi chương trình khuyến mại đạt từ 1.000 – 2.000 tỷ đồng. Nhờ những nỗ lực đó, hoạt động huy động vốn năm 2012 tiếp tục ghi nhận những bước tiến đáng khích lệ. Nguồn huy động duy trì mức tăng trưởng ổn định, với nguồn huy động từ cá nhân và TCKT (TT1) chiếm tỷ trọng chủ yếu và ngày càng cao.

Tổng vốn huy động của PG Bank cuối năm 2012 đạt 15.858 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng thời điểm năm trước, chủ yếu nhờ Tiền gửi khách hàng tăng trưởng khá. Cụ thể, tại thời điểm 31/12/2012, nguồn huy động TT1 đạt 12.432 tỉ đồng, tăng 13% so với cuối năm 2011, và chiếm trên 78% tổng nguồn huy động.

TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

ĐVT: Tỷ đồng



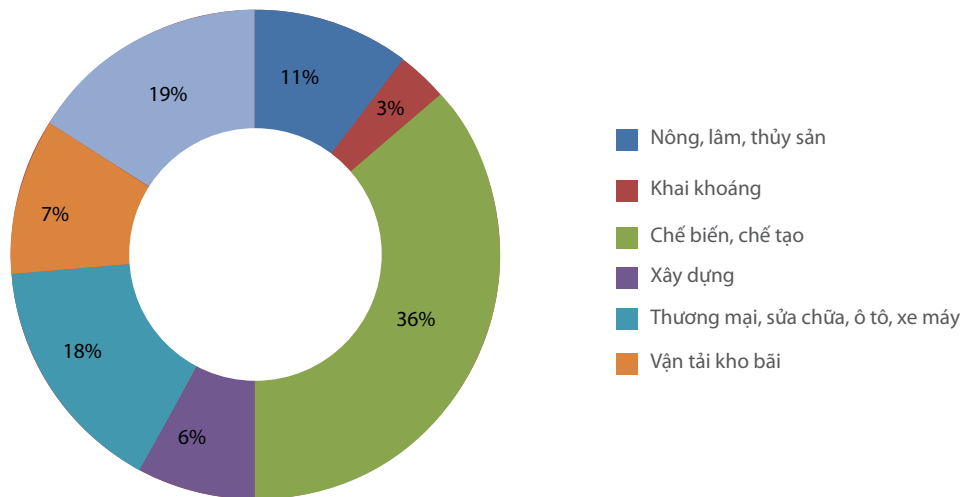
SỬ DỤNG VỐN

HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Năm 2012, sức hấp thụ vốn yếu của nền kinh tế cùng những lo ngại liên quan đến nợ xấu đã khiến hoạt động giải ngân tín dụng của toàn ngành diễn ra rất chậm. Trong bối cảnh đó, PG Bank đã tích cực triển khai các chương trình khuyến mại nhằm đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng. Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp, PG Bank đã thực hiện nhiều chương trình giảm phí, giảm lãi suất cho các khách hàng tốt, có quan hệ thường xuyên. Đối với nhóm khách hàng cá nhân, PG Bank đưa ra nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn như *Chương trình 90 ngày vay vốn ưu đãi* hay *Chương trình ưu đãi đặc biệt Cho vay mua xe Honda CR-V*. Song song với các hoạt động kích cầu tín dụng, hoạt động kiểm soát tín dụng cũng được thực hiện hết sức thận trọng. Công tác lập, xét duyệt hồ sơ cùng với hoạt động kiểm soát trong và sau khi giải ngân đều được tiến hành rất nghiêm túc và chặt chẽ, nhằm đảm bảo nguồn vốn được hướng tới những đối tượng sử dụng vốn an toàn, hiệu quả.

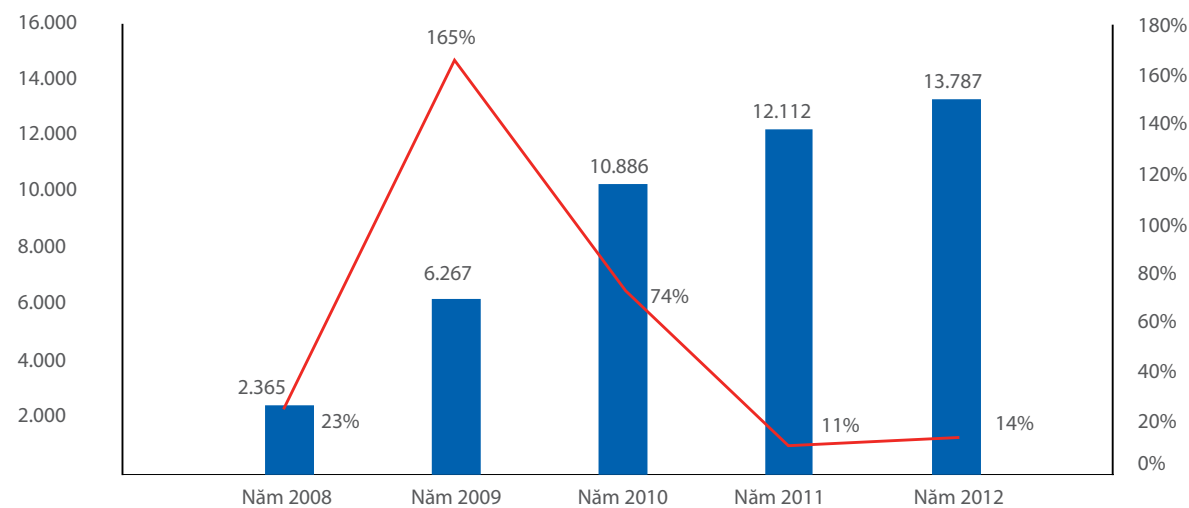
Kết quả, tổng cho vay đối với nền kinh tế tại 31/12/2012 đạt 13.787 tỷ đồng, tăng 1.675 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 13,8% so với cuối năm 2011. Trong đó, cho vay bằng nội tệ đạt 10.419 tỷ đồng, chiếm 75,6% tổng dư nợ. Cơ cấu nợ vay theo kì hạn được giữ ổn định ở mức hợp lý với tỷ trọng dư nợ ngắn hạn chiếm 68,5% tổng dư nợ. Nguồn vốn tín dụng tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, thương mại, và nông lâm ngư nghiệp.

CƠ CẤU CHO VAY THEO NGÀNH

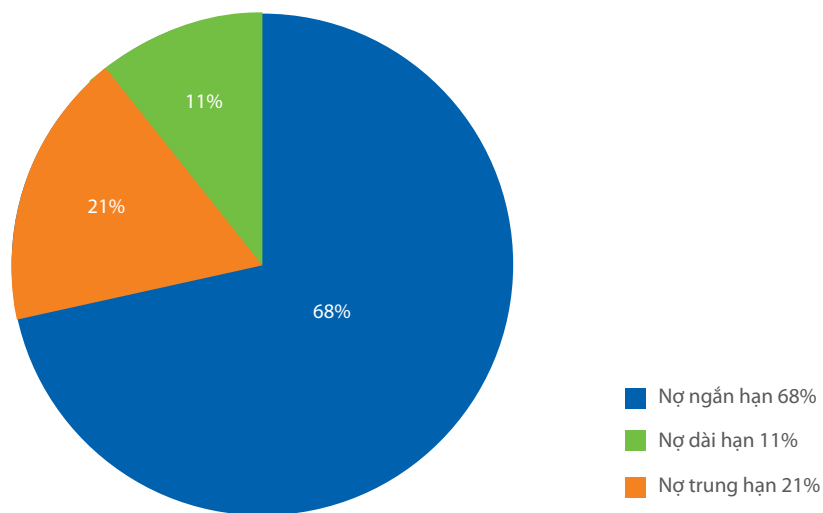


TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

ĐVT: Tỷ đồng



CƠ CẤU NỢ THEO KỲ HẠN



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN

PG Bank thực hiện quản lý nguồn vốn theo nguyên tắc tập trung tại Hội sở chính. Mô hình quản lý này nhằm cân bằng giữa huy động và sử dụng nguồn, giúp đảm bảo khả năng thanh khoản, đồng thời tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Trong năm 2012, các hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường LNH, đầu tư Trái phiếu chính phủ (TPCP) tiếp tục đóng góp nguồn lợi nhuận lớn vào tổng thu nhập của PG Bank, đồng thời giúp nâng cao uy tín của Ngân hàng trên thị trường trong và ngoài nước.

Tính đến 31/12/2012, số dư tiền gửi và cho vay các TCTD khác của PG Bank trên thị trường LNH đạt gần 2.390 tỷ đồng, tăng hơn 986 tỷ đồng, tương đương mức tăng 70% so với số dư cuối năm 2011. Lợi nhuận cả năm 2012 từ hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường LNH đạt 26,1 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư TPCP được đẩy mạnh trong năm 2012. Tại 31/12/2012, tổng giá trị TPCP PG Bank đang nắm giữ đạt 1.326 tỷ đồng, tăng 204 tỷ đồng, tương đương 18% so với cuối năm 2011. Tận dụng được những chuyển biến tích cực trên thị trường TPCP, lợi nhuận từ hoạt động này đạt 19,2 tỷ đồng, tăng rất mạnh so với kết quả 3,5 tỷ đồng của năm 2011.

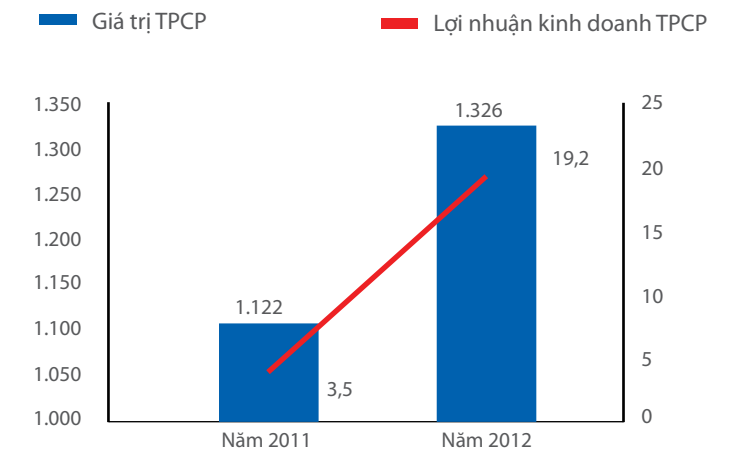
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ

Những biến động bất lợi của nền kinh tế vĩ mô đã tác động mạnh tới hoạt động kinh doanh ngoại tệ của hệ thống ngân hàng nói chung, của PG Bank nói riêng. Kết thúc năm 2012, tổng doanh số mua bán ngoại tệ của Ngân hàng đạt 10.768 triệu USD, với tổng lợi nhuận đạt 44,3 tỷ đồng.

Ngân hàng tiếp tục hoàn thành tốt vai trò là đầu mối cung cấp ngoại tệ cho Petrolimex, với tổng doanh số bán ngoại tệ cho Petrolimex đạt 2.710 triệu USD, chiếm 25% tổng doanh số mua bán và đáp ứng 61% tổng nhu cầu mua ngoại tệ trong năm của Tập đoàn.

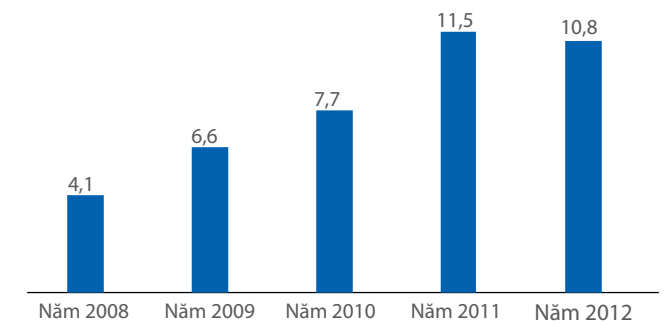
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

ĐVT: Tỷ đồng



KHỐI LƯỢNG MUA BÁN NGOẠI TỆ

ĐVT: Tỷ USD



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN VÀ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

Năm 2012, nhờ sử dụng hoàn toàn module xử lý điện tập trung tại Hội sở Chính, chất lượng hoạt động thanh toán của PG Bank được cải thiện rất tích cực. Thời gian xử lý một giao dịch chuyển tiền đi từ khi nhận lệnh thanh toán của khách hàng đến khi chuyển thành công đến ngân hàng hưởng được rút ngắn một cách rõ rệt. Ngoài ra, hệ thống xử lý điện của PG Bank cũng lưu lại tất cả các thông tin liên quan đến giao dịch như các bước xử lý, số hiệu giao dịch, thời gian chuyển đến ngân hàng hưởng ... để các GDV tại chi nhánh khởi tạo giao dịch có thể xem và cung cấp cho khách hàng khi cần. Đây cũng là một trong những điểm được khách hàng đánh giá rất cao.

Mặt khác, thanh toán qua Internet Banking với giao diện thân thiện cho người sử dụng cùng hệ thống xử lý điện tự động, nhanh chóng, chính xác cũng nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng.

Bên cạnh đó, phần xử lý tiền về tài khoản tại PG Bank cũng được thực hiện tự động đến 80%, giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi của khách hàng.

Cùng với phương châm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, năm 2012 PG Bank đã ký nhiều hợp đồng triển khai thanh toán đa phương và song phương với các ngân hàng thương mại lớn như BIDV, Vietinbank..., giúp đa dạng hóa và gia tăng đáng kể hiệu quả hoạt động thanh toán. Tổng số giao dịch xử lý trong năm 2012 đạt 240.495 giao dịch với tổng phí thanh toán đạt 10,6 tỷ đồng.

Năm 2012, giá trị LC do PG Bank phát hành tăng 29% với năm 2011. Nhờ thu hàng nhập đạt 102 món, trị giá 15,7 triệu USD. Số lượng chứng từ nhờ thu hàng xuất tăng mạnh, tăng 33,7% về số lượng và 7,9% về giá trị so với năm 2011. Tổng phí thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại thu được trong năm đạt 6,6 tỷ đồng.

Hiện nay, PG Bank đã thiết lập quan hệ đại lý với 314 ngân hàng tại 57 quốc gia trên thế giới và về cơ bản đáp ứng được nhu cầu thông báo LC tới tất cả các nước có quan hệ xuất nhập khẩu với Việt Nam.

DỊCH VỤ THẺ

Với lợi thế là Thẻ thanh toán xăng dầu đầu tiên tại Việt Nam tích hợp hai tính năng Trả trước và Ghi nợ, thẻ Flexicard của PG Bank được chấp nhận tại hơn 2.000 điểm bán xăng dầu Petrolimex. Công tác kinh doanh thẻ sau phát hành được đẩy mạnh và thu về những thành công nhất định.

Năm 2012, PG Bank phát hành mới 70.538 thẻ, trong đó 78% là thẻ trả trước, nâng tổng số thẻ đã phát hành lên 663.988 thẻ. Bên cạnh đó, dịch vụ thẻ đội xe (F-card) được triển khai bước đầu nhằm hướng thẻ xăng dầu vào các doanh nghiệp nhiều xe ô tô. Đặc biệt, trong năm, Ngân hàng đã hoàn thành dự án thẻ VISA Credit, dự kiến phát hành rộng rãi vào đầu năm 2013. Tại ngày 31/12/2012, PG Bank có 62 máy ATM, 4.107 máy POS trên cả nước.

Thẻ ghi nợ của PG Bank được miễn phí giao dịch ngoại mạng tại tất cả các ATM trên toàn quốc và được hưởng nhiều ưu đãi khi mua xăng dầu tại các cửa hàng xăng dầu Petrolimex. Hoạt động giao dịch, thanh toán thẻ trong năm 2012 diễn ra mạnh mẽ. Tổng số giao dịch qua POS đạt 2,8 triệu giao dịch, doanh số giao dịch đạt 6.668 tỷ đồng. Trong đó, số giao dịch thanh toán bằng thẻ đạt 1,8 triệu giao dịch với tổng giá trị thanh toán đạt 3.006 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

QUẢN LÝ RỦI RO

Ý thức được vai trò quan trọng của hoạt động quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng, PG Bank không ngừng hoàn thiện và cải tiến các quy trình nghiệp vụ, chú trọng việc đào tạo chuyên môn và nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro cho cán bộ để công tác quản lý rủi ro ngày càng hiệu quả hơn trong thời gian qua và những năm sắp tới.

Cơ cấu tổ chức hoạt động quản lý rủi ro của PG Bank được tổ chức rất chặt chẽ, bao gồm: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng và Hội đồng ALCO, Khối Quản lý rủi ro (QLRR) – đơn vị độc lập với các đơn vị kinh doanh chuyên trách về quản lý và kiểm soát rủi ro của toàn hệ thống, các cấp kiểm soát, quản lý tại các đơn vị kinh doanh cùng các chốt kiểm soát tại từng bộ phận nghiệp vụ.

Trong năm qua, Ngân hàng đã hoàn thiện và xây dựng mới nhiều quy trình, quy định, hướng dẫn nội bộ nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro chặt chẽ và hiệu quả hơn. Không chỉ chú trọng công tác kiểm soát, giám sát rủi ro trực tiếp trong từng mảng hoạt động của ngân hàng, trong năm qua, hoạt động giám sát từ xa cũng được đẩy mạnh và đã đưa ra nhiều khuyến cáo và đề xuất giúp giảm thiểu đáng kể tổn thất cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã triển khai chương trình tự đánh giá chốt kiểm soát tại các chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc để chính các đơn vị kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ tự đánh giá và nhìn nhận được những lỗ hổng và điểm yếu trong hoạt động của mình từ đó có những điều chỉnh và biện pháp khắc phục để hạn chế rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng.

Song song với công tác nghiệp vụ, các hoạt động đào tạo cũng được tiến hành thường xuyên nhằm không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ của CBNV. Trong năm 2012, các khóa đào tạo về QLRR tác nghiệp, QLRR tín dụng đã được tổ chức tại nhiều chi nhánh trên toàn hệ thống giúp nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro và tăng cường ý thức phòng ngừa và kiểm soát rủi ro cho CBNV PG Bank.

Năm 2013 được đánh giá vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt nguy cơ nợ xấu tăng cao. Do đó PG Bank xác định phải đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro ngay từ những tháng đầu năm, bắt đầu từ việc cảnh báo và phát hiện sớm rủi ro cho đến kiểm soát trước, trong và sau khi cấp tín dụng. PG Bank sẽ nỗ lực hơn nữa để công tác quản trị rủi ro ngày càng hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của Ngân hàng.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

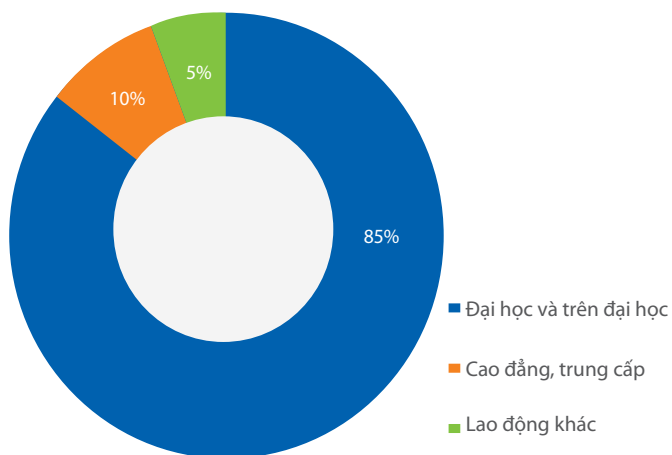
Nhằm mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có năng lực và tính chuyên nghiệp cao, đồng thời chuẩn bị nhân sự kế nhiệm cấp điều hành phục vụ chiến lược phát triển nhanh và bền vững, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng và phát triển tại PG Bank. Ngân hàng thường xuyên tổ chức cho nhân viên tham dự các khóa đào tạo trong và ngoài nước, các khóa đào tạo của NHNN, hoặc các tổ chức đào tạo có uy tín nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao kỹ năng làm việc hiệu quả và các kỹ năng quản lý, lãnh đạo trong từng giai đoạn, vị trí công tác.

Tuyển dụng:

Cuối năm 2012, tổng số nhân viên của toàn Ngân hàng đạt 1.441 người, tăng 66 nhân viên (tương đương 5,0%) so với cuối năm 2011. Chất lượng nhân sự ngày càng được nâng cao với trình độ CBNV được đảm bảo, trong đó số lượng cán bộ có trình độ đại học và trên đại học tăng 6% so với cuối năm 2011, chiếm trên 85% tổng lao động.

Trình độ CBNV PG Bank

Tại 31/12/2012



Đào tạo:

Năm 2012, PG Bank đã triển khai thành công 33 khóa với 74 lớp cho 1.818 lượt học viên tham dự trong 704 giờ đào tạo. Trong đó, bên cạnh các khóa đào tạo thuê ngoài, số lớp đào tạo nội bộ chiếm tỷ lệ 55% tổng số lớp triển khai (41/74) và các khóa đào tạo đều được đánh giá có nội dung tốt, phù hợp thực tế và có tính ứng dụng cao. Ngoài ra, Ngân hàng còn triển khai thành công dự án “Nâng cao chất lượng dịch vụ tại quầy” cho toàn bộ đội ngũ Giao dịch viên, từng bước chuyên nghiệp hóa tác phong làm việc và hiện đại hóa cơ sở vật chất tại các điểm giao dịch nhằm mang lại cho khách hàng sự thuận tiện và thoải mái nhất khi giao dịch tại PG Bank cũng như tạo dựng hình ảnh ngân hàng thân thiện, chuyên nghiệp trong mắt khách hàng.

Chế độ đãi ngộ:

Thu nhập nhân viên PG Bank được áp dụng từ việc khảo sát mức thu nhập thực tế của ngành và thị trường. Khung lương được xây dựng cho 9 cấp/ bậc của công việc, dải lương rộng cho phép thu hút được những ứng viên tiềm năng và đảm bảo trả mức lương cạnh tranh cao cho mọi vị trí. Ngoài chế độ lương, thưởng cạnh tranh, nhân viên PG Bank còn được hưởng rất nhiều chế độ khác như: khám sức khỏe định kỳ tại các phòng khám hiện đại, phụ cấp điện thoại, phụ cấp ăn trưa, phụ cấp đi lại, chế độ thăm quan nghỉ mát hàng năm như: Tổ chức đi nghỉ mát tại Nam Ninh (Trung Quốc), Ninh Bình, Cát Bà, tặng quà cho CBNV nhân dịp sinh nhật, thăm hỏi ốm đau, kết hôn, hỗ trợ thai sản v.v.

Công tác đoàn thể:

Trong năm 2012, Công đoàn đã tổ chức nhiều chương trình cho cán bộ nhân viên Ngân hàng như: Trao thưởng học sinh giỏi, tặng quà 1/6 cho con em cán bộ nhân viên, tổ chức “Đêm hội Trăng rằm – PG Bank 2012”, thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng. Đoàn Thanh niên PG Bank cũng đã gây dựng phong trào rất sôi nổi và mạnh mẽ trên toàn Ngân hàng với các hoạt động tặng quà cho chị em nhân ngày Quốc tế phụ nữ, Tổ chức Giải bóng đá vô địch PG Bank toàn miền Bắc, tổ chức Ngày hội thể thao PG Bank, Ngày hội hiến máu nhân đạo của đoàn viên thanh niên và CBNV PG Bank, đóng góp hơn 200 triệu vào quỹ xã hội của Tập đoàn Petrolimex v.v. Những hoạt động sinh hoạt tập thể vui tươi, sôi nổi, lành mạnh đã trở thành chất keo vô hình, là hạt nhân gắn kết người lao động vào mái nhà chung PG Bank.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ MẠNG LƯỚI

Tới thời điểm cuối năm 2012, hầu hết các điểm giao dịch của PG Bank đã được chuẩn hoá theo nhận diện mới với không gian giao dịch thân thiện và hiện đại. Nhờ đó, thương hiệu PG Bank đã trở nên đặc trưng và phổ biến hơn trong mắt khách hàng và đối tác.

Các chương trình quảng bá thương hiệu trên các phương tiện truyền thông tiếp tục duy trì và đạt hiệu quả cao. Thông tin về sản phẩm – dịch vụ mới, sự kiện, hoạt động của Ngân hàng liên tục được đăng tải trên mặt báo; nhiều báo, đài, truyền hình Trung ương và địa phương thực hiện phỏng vấn đại diện Ngân hàng về các vấn đề sự phát triển của ngân hàng; Chương trình “PG Bank cùng nhịp thị trường” trên VOV giao thông phát sóng đều đặn hàng ngày góp phần làm tăng đáng kể sự nhận biết của người dân về PG Bank.

Bên cạnh đó, thương hiệu PG Bank đã được quảng bá rộng rãi hơn khi tham gia tài trợ cho các hoạt động, sự kiện truyền thống của ngành ngân hàng như “20 năm hoạt động thông tin tín dụng ngân hàng Việt Nam”, hoặc tài trợ cho các Hội thảo chuyên ngành như “Diễn đàn Xuất khẩu 2012: Cơ hội và triển vọng” tại thành phố Hồ Chí Minh hay tài trợ Hội chợ việc làm “Cầu nối nhân lực 2012” trên địa bàn Hà Nội.

Tại 31/12/2012, mạng lưới hoạt động của PG Bank bao gồm 81 điểm giao dịch, trải khắp các tỉnh, thành phố trọng điểm trong cả nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Đồng Tháp, Bắc Ninh, Hải Dương, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, An Giang.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trên nền tảng CNTT hiện đại đã được chú trọng đầu tư bài bản từ những năm trước, năm 2012 PG Bank tiếp tục đẩy mạnh nâng cao năng lực của hạ tầng thông tin nhằm cải tiến năng suất lao động, tăng cường khả năng kiểm soát hoạt động nghiệp vụ, đồng thời gia tăng tiện ích cho người sử dụng.

Đáng chú ý, tháng 3/2012 PG Bank đã ra mắt dịch vụ Mobile Banking - dịch vụ ngân hàng điện tử qua trình duyệt web trên điện thoại di động. Với giao diện đơn giản, thân thiện, dễ thao tác cũng như tốc độ xử lý nhanh chóng, ổn định, Mobile Banking của PG Bank đã giúp khách hàng khai thác tối đa các tiện ích ngân hàng trực tuyến trên điện thoại di động. Với Mobile Banking của PG Bank, khách hàng có thể truy vấn thông tin giao dịch, chuyển khoản trong/ngoài hệ thống, tìm kiếm vị trí các điểm giao dịch, ATM, và rất nhiều các tiện ích khác ở bất cứ nơi đâu.

Ngoài ra, PG Bank cũng đã thực hiện thành công một số dự án CNTT lớn trong năm 2012, như:

- Hoàn chỉnh và đưa vào áp dụng thực tế thành công phần mềm KPI giúp đánh giá đúng hiệu quả công việc của các bộ phận kinh doanh
- Phát triển phần mềm chuyển tiền nhanh tại các cửa hàng xăng dầu trên nền công nghệ hiện đại, kết hợp với kỹ thuật bảo mật tiên tiến (mã hóa đường truyền, công cụ xác thực bảo mật bằng Token của hãng Vasco)
- Hoàn thành dự án phát hành thẻ tín dụng quốc tế
- Tích hợp cổng thanh toán ghi nợ và chuyển khoản trực tuyến của BanknetVN vào hệ thống corebanking của PG Bank

Trong thời gian tới, năng lực của hệ thống dự phòng và an ninh hệ thống sẽ tiếp tục được tăng cường. Đồng thời, phòng CNTT cũng đang phối hợp cùng phòng TCKT cải tiến Core banking phục vụ công tác tự động hóa phân bổ chi phí, phân tích lợi nhuận để đánh giá chính xác, đa chiều hơn hiệu quả hoạt động của các bộ phận/Chi nhánh.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Trong năm qua, PG Bank đã khởi xướng và tham gia nhiều chương trình, hoạt động xã hội, nhằm cụ thể hoá cam kết của Ngân hàng hướng tới một xã hội tốt đẹp hơn.

Hoạt động khuyến học - khuyến tài vẫn luôn được chúng tôi dành sự quan tâm đặc biệt. Nhân dịp năm học mới 2012 - 2013, nhiều suất học bổng đã được trao tặng cho những sinh viên vượt khó học giỏi tại các trường đại học trên địa Hà Nội như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, Học Viện Ngân hàng. Đồng thời, thấu hiểu sự khó khăn của học sinh nghèo vùng cao, đoàn Thanh niên PG Bank đã đích thân tới thăm, trao nhiều suất học bổng và tặng quà cho các em học sinh tại xã vùng sâu Nuông Dăm (tỉnh Hoà Bình). Trong thời gian tới, PG Bank mong muốn tiếp tục đồng hành, góp phần nhỏ bé giúp đỡ các em học sinh nghèo trên cả nước viết tiếp ước mơ đến trường để có một tương lai tốt đẹp hơn.

Song song với các hoạt động khuyến học, các công tác từ thiện cũng được PG Bank tiếp tục đẩy mạnh. Có thể nêu ra một số hoạt động tiêu biểu đã được Ngân hàng tích cực tham gia trong năm 2012 như mua tranh vẽ của các em có hoàn cảnh khó khăn nhưng có năng khiếu và yêu thích hội họa trong *Triển lãm tranh thiếu nhi Nét vẽ Mầm sáng*, tổ chức tặng quà trung thu cho các cháu học giỏi vượt khó tại các tổ dân phố nơi PG Bank đặt trụ sở giao dịch, tham gia Ngày hội Hiến máu nhân đạo Petrolimex 2012, v.v. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục tham gia *"Cuộc chạy vì trẻ em Hà Nội 2012 - Terry Fox Run for Children"* với số lượng cán bộ nhân viên đông đảo.

Ngoài ra, hưởng ứng chương trình "Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới" của Chính phủ, PG Bank đã cam kết và thực hiện tài trợ xây dựng một số cây cầu dân sinh tại Đồng Tháp góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn.

Với triết lý lớn mạnh cùng sự phát triển của cộng đồng, PG Bank sẽ tiếp tục chung tay để những hoạt động thiện nguyện được vươn xa và lan tỏa mạnh mẽ hơn nữa.

Cán bộ nhân viên PG Bank tham gia "Cuộc chạy vì trẻ em Hà Nội 2012 - Terry Fox Run for Children" gây quỹ từ thiện ủng hộ trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh và ung thư Hà Nội



PG Bank tặng quà năm học mới cho học sinh giỏi vượt khó trường cấp 1-2 xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

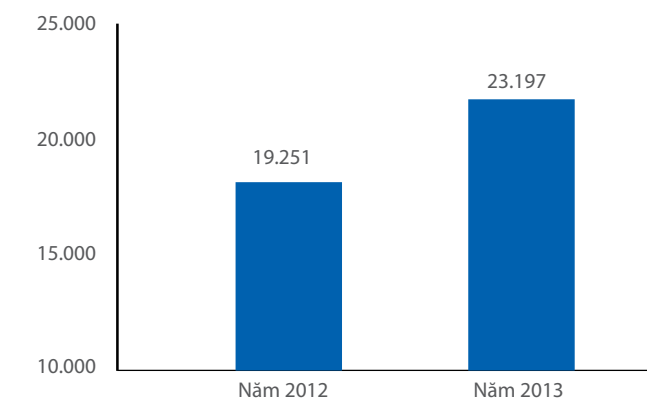
ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2013

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng được dự báo vẫn còn rất nhiều khó khăn. Trên cơ sở đó, cùng các nguồn lực hiện có và sẽ tạo lập, PG Bank đề ra định hướng và kế hoạch kinh doanh cho năm 2013 như sau:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao vai trò quản lý, giám sát, thúc đẩy kinh doanh của Hội sở chính đối với các chi nhánh;
- Tập trung đẩy mạnh công tác huy động, đảm bảo huy động vốn tăng mạnh hơn tín dụng; Tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng, đẩy nhanh việc xử lý và thu hồi nợ;
- Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên cơ sở khai thác tối đa hệ thống bán lẻ của Petrolimex;
- Tiếp tục khai thác và phát huy lợi thế là ngân hàng đi đầu trong kinh doanh ngoại hối và sản phẩm phái sinh, gia tăng thị phần ngoài Petrolimex;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tại quầy;
- Tăng cường quảng bá, truyền thông nâng cao vị thế, hình ảnh của PG Bank;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí.

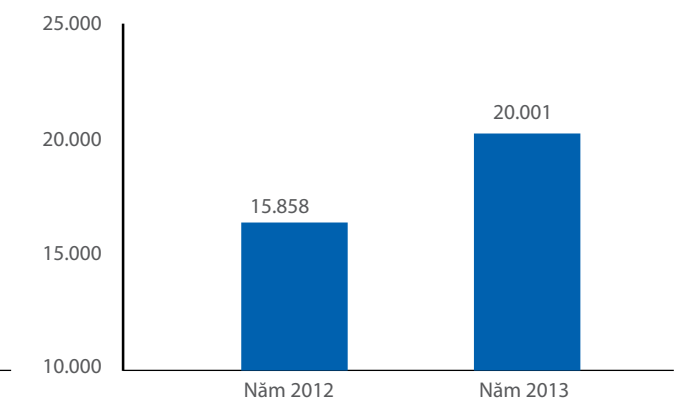
TỔNG TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng



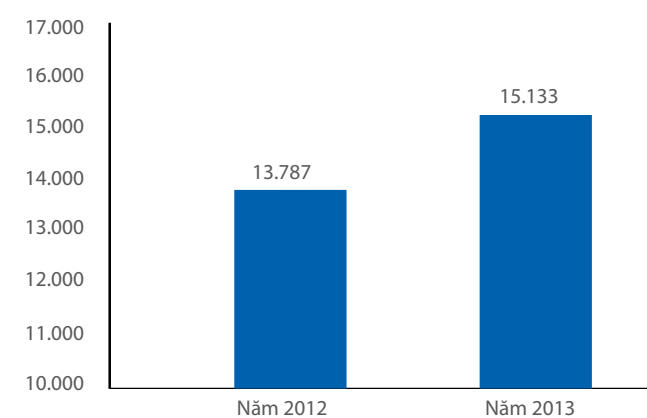
TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

ĐVT: Tỷ đồng



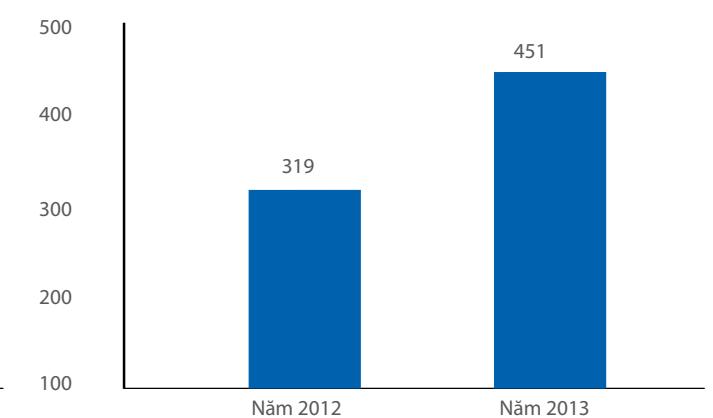
TỔNG DƯ NỢ

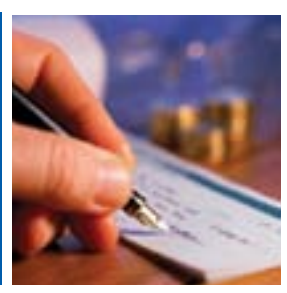
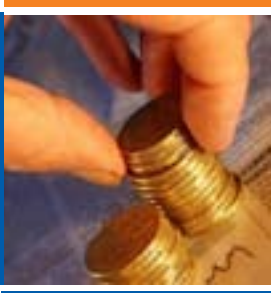
ĐVT: Tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

ĐVT: Tỷ đồng





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
	Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
	Ông Trần Long An	Thành viên
	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
	Ông Võ Văn Hiệp	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2013)
BAN GIÁM ĐỐC	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Ông Nguyễn Quang Định	Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hào	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 927/Deloitte-AUDHN-RE

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và trang 3, Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 03 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A TÀI SẢN				
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	201.123.428.291	228.299.047.661
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	416.124.061.792	748.922.723.773
III	Tiền. vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	2.389.624.369.149	1.403.467.339.527
1	Tiền. vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		770.708.369.149	1.403.467.339.527
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.618.916.000.000	-
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		2.229.058.279	119.715.058
V	Cho vay khách hàng		13.469.077.478.041	11.928.233.217.836
1	Cho vay khách hàng	8	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(318.295.105.291)	(183.804.025.157)
VI	Chứng khoán đầu tư	10	1.923.758.869.604	2.022.497.195.760
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.988.586.661.238	2.085.817.170.899
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(64.827.791.634)	(63.319.975.139)
VII	Đầu tư dài hạn	11	39.815.572.698	55.643.662.419
1	Đầu tư dài hạn khác		63.335.941.996	85.659.289.537
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(23.520.369.298)	(30.015.627.118)
VIII	Tài sản cố định		259.400.035.407	267.484.183.742
1	Tài sản cố định hữu hình	12	226.255.813.686	230.417.000.726
a	Nguyên giá		334.914.966.754	306.690.724.227
b	Khấu hao lũy kế		(108.659.153.068)	(76.273.723.501)
2	Tài sản cố định vô hình	13	33.144.221.721	37.067.183.016
a	Nguyên giá		60.805.442.674	55.630.960.298
b	Hao mòn lũy kế		(27.661.220.953)	(18.563.777.282)
IX	Tài sản Có khác		549.745.016.022	927.414.244.625
1	Các khoản phải thu	14	236.918.395.564	652.890.671.648
2	Các khoản lãi, phí phải thu		210.889.563.716	232.016.766.494
3	Tài sản Có khác	15	101.937.056.742	42.506.806.483
TỔNG TÀI SẢN CÓ			19.250.897.889.283	17.582.081.330.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	400.000.000.000
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	3.426.575.908.496	3.357.571.095.529
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		623.908.496	3.357.571.095.529
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		3.425.952.000.000	-
III	Tiền gửi của khách hàng	17	12.332.420.759.303	10.925.179.046.121
IV	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	98.775.653.000	117.083.650.000
V	Phát hành giấy tờ có giá	19	421.926.378	1.977.401.615
VI	Các khoản Nợ khác		198.670.626.091	189.294.063.267
1	Các khoản lãi, phí phải trả		163.707.658.999	120.582.549.562
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	16.660.220.209	54.686.396.355
3	Dự phòng rủi ro khác	20	18.302.746.883	14.025.117.350
Tổng Nợ phải trả			16.056.864.873.268	14.991.105.256.532
VII	Vốn và các quỹ		3.194.033.016.015	2.590.976.073.869
1	Vốn của tổ chức tín dụng	21	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	22	159.092.327.325	81.430.997.127
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	5.122.354.443
4	Lợi nhuận chưa phân phối	21	34.940.688.690	504.422.722.299
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			19.250.897.889.283	17.582.081.330.401

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
I Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	583.982.457.626	825.908.592.385
2	Bảo lãnh khác	1.018.911.121.914	935.129.577.641
II Các cam kết đưa ra			
1	Cam kết khác	2.910.726.693.561	2.533.163.902.198



Nguyễn Quang Định

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Hào

Giám đốc Tài chính



PG BANK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
MẪU SỐ B 03/TCTD
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2012	2011
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	2.256.955.432.049	2.817.815.430.101
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	1.276.234.123.905	1.721.454.475.295
I	Thu nhập lãi thuần		980.721.308.144	1.096.360.954.806
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		63.655.661.665	84.549.032.457
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		35.769.434.838	39.101.551.371
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	27.886.226.827	45.447.481.086
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	44.371.598.407	22.294.771.652
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	579.900.000
V	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	34.444.126.845	(49.943.933.853)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		94.969.488.749	119.552.923.210
6	Chi phí hoạt động khác		29.176.615.203	70.857.083.432
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	65.792.873.546	48.695.839.778
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		5.517.620.400	6.371.850.154
VIII	Chi phí hoạt động	29	557.043.301.650	453.389.242.797
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		601.690.452.519	716.417.620.826
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		282.722.754.574	122.031.707.218
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		318.967.697.945	594.385.913.608
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	78.983.024.364	148.131.145.555
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		78.983.024.364	148.131.145.555
XIII	Lợi nhuận sau thuế		239.984.673.581	446.254.768.053
XIV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	878	1.891



Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Văn Hào
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
MẪU SỐ B04/TCTD
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.278.082.634.827	5.845.167.374.500
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.233.109.014.468)	(4.782.511.565.468)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	27.886.226.827	45.447.481.086
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	78.815.725.252	30.461.470.973
05	Thu nhập khác	65.792.873.546	44.305.173.197
06	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(412.088.175.369)	(624.396.303.936)
07	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(131.550.717.084)	(132.002.771.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động			
Những thay đổi về tài sản hoạt động		673.829.553.531	426.470.859.074
		(2.680.248.224.304)	(593.413.158.341)
08	Biến động các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(1.652.916.000.000)	384.917.694.492
09	Biến động các khoản về kinh doanh chứng khoán	97.230.509.661	(132.612.533.536)
10	Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.109.343.221)	1.605.240.062
11	Biến động các khoản cho vay khách hàng	(1.675.335.340.339)	(1.197.754.698.148)
12	Biến động nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	-	41.162.591.956
13	Biến động khác về tài sản hoạt động	552.881.949.595	309.268.546.833
Những thay đổi về công nợ hoạt động		618.767.816.796	674.718.229.165
14	Biến động các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(400.000.000.000)	400.000.000.000
15	Biến động các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	69.004.812.967	128.794.642.585
16	Biến động tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	1.407.241.713.182	220.428.665.582
17	Biến động phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(1.555.475.237)	1.977.401.615
18	Biến động vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(18.307.997.000)	55.610.547.569
19	Biến động khác về công nợ hoạt động	(410.777.860.124)	(116.593.028.186)
20	Chi từ quỹ của các tổ chức tín dụng	(26.837.376.992)	(15.500.000.000)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.387.650.853.977)	507.775.929.898

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B04/TCTD

Đơn vị : VND

STT CHỈ TIÊU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(63.085.529.763)	(159.346.995.870)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.309.968.181	24.490.909
03 Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(2.098.929.487)	-
04 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	22.323.347.541	(200.849.317)
05 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	35.372.978.669
06 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.517.620.400	312.000.000
II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(36.033.523.128)	(123.838.375.609)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	1.000.000.000.000	-
02 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(603.048.874.624)	(50.711.815.200)
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	396.951.125.376	(50.711.815.200)
IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.026.733.251.729)	333.225.739.089
V Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.380.689.110.961	2.047.463.371.872
VI Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	1.353.955.859.232	2.380.689.110.961

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt và tương đương tiền tại quỹ	201.123.428.291	228.299.047.661
Tiền gửi tại NHNN	416.124.061.792	748.922.723.773
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (dưới 3 tháng)	736.708.369.149	1.403.467.339.527
	1.353.955.859.232	2.380.689.110.961



Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Văn Hào
Giám đốc Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (“Ngân hàng”) tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười, được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 0045-NHNN ngày 13 tháng 11 năm 1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 02 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

Từ tháng 01 năm 2012, Ngân hàng chuyển trụ sở chính đến địa chỉ Tòa nhà MIPEC - 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Việc chuyển trụ sở chính của Ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tại Quyết định số 03/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có 16 chi nhánh.

Tổng số nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.441 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.375 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này thay thế Chỉ thị số 05/2005/CT-NHNN ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005. Thông tư 02/2013/TT-NHNN sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2013. Ban Giám đốc Ngân hàng đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phái sinh, các tài sản tài chính và tài sản Có khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, phát hành giấy tờ có giá và các tài sản Nợ khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính phái sinh

Đối với các hợp đồng mua/bán ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng; đồng thời được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản hoặc khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu chênh lệch dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các công nợ tài chính khác" nếu chênh lệch âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Quyết định số 780/QĐ-NHNN có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2012 và Ngân hàng đã áp dụng Quyết định này trong việc phân loại nợ và lập báo cáo tài chính năm 2012. Theo đó, một số khoản vay đã quá hạn nhưng Ngân hàng đánh giá khách hàng vẫn có khả năng trả nợ sẽ được giữ nguyên nhóm nợ và tiếp tục cho gia hạn. Nếu không áp dụng Quyết định này, số liệu về phân tích nợ theo chất lượng và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng có thể thay đổi so với số liệu báo cáo.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2012) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và các khoản cam kết được Ngân hàng trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên giá trị thuần của các khoản đó.

Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết tại ngày kết năm tài chính.

Dự phòng cho các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá trị hoàn nhập được hạch toán tăng thu nhập khác.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác và các tổ chức kinh tế (TCKT) phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích hưởng chênh lệch giá và nắm giữ trong thời gian không quá 1 năm được phân loại là chứng khoán kinh doanh, các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn, các chứng khoán khác được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCĐD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư (Tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn trên và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn bao gồm các chứng khoán vốn và các khoản đầu tư vào các Dự án có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm với mục đích hưởng lợi trong các trường hợp (i) Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc (ii) Ngân hàng là đối tác chiến lược; hoặc (iii) Ngân hàng có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động của doanh nghiệp thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Hoạt động ủy thác đầu tư của Ngân hàng bao gồm các hình thức: Ủy thác đầu tư toàn bộ và ủy thác đầu tư chỉ định. Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và nhận vốn ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết.

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết mua bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán trong tương lai theo tỷ giá này.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận chuyển	6 - 10
Dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCĐD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất với thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua phần mềm máy tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời phần cứng có liên quan. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các cam kết mở theo các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo các tỷ giá của kỳ hạn tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá này được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Doanh thu

Thu nhập lãi

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong năm của các khoản nợ quá hạn không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu (Tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 (bốn) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác định. Đối với cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Ngân hàng là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và các công ty con. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân, các bên liên kết đó; những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Ngân hàng và những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Bản chất của mối quan hệ được xem xét trong việc đánh giá mối quan hệ của từng bên liên quan chứ không chỉ ở hình thức pháp lý.

Các quỹ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ, các tổ chức tín dụng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bằng 5% thu nhập sau thuế hằng năm nhưng không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- b. Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% thu nhập sau thuế hằng năm sau khi đã lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, trừ các khoản lỗ của các năm trước và các khoản chi phí không được khấu trừ khác. Số dư quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của Ngân hàng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các quỹ của Ngân hàng (Tiếp theo)

- c. Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập các Quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ và quỹ dự phòng ở trên không được dùng để phân chia.

Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được. Nhiều khoản cam kết nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn và không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và các khoản nợ này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển dự kiến trong tương lai.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Không có thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt bằng VND	139.013.139.933	185.100.820.933
Tiền mặt bằng ngoại tệ	62.110.288.358	43.198.226.728
	201.123.428.291	228.299.047.661

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể:

Theo Quyết định số 1925/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2011:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng Đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng Đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 8% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 6% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng áp dụng cho tiền gửi bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài là 1% trên số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1%).

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	416.124.061.792	748.922.723.773
	416.124.061.792	748.922.723.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	736.708.369.149	103.936.239.527
- Bằng VND	565.362.775.040	18.058.799.014
- Bằng ngoại tệ, vàng	171.345.594.109	85.877.440.513
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	1.299.531.100.000
- Bằng VND	34.000.000.000	882.971.100.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	-	416.560.000.000
	770.708.369.149	1.403.467.339.527
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.618.916.000.000	-
Bằng VND	640.000.000.000	-
Bằng ngoại tệ, vàng	978.916.000.000	-
	1.618.916.000.000	-
	2.389.624.369.149	1.403.467.339.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	13.684.235.841.339	12.011.686.396.603
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	3.041.609.898	2.628.993.472
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	100.095.132.095	97.721.852.918
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.967.602.865.795	11.553.561.102.982
Nợ cần chú ý	1.656.494.899.134	309.490.293.675
Nợ dưới tiêu chuẩn	863.519.712.574	66.165.001.497
Nợ nghi ngờ	108.923.185.414	40.021.386.886
Nợ có khả năng mất vốn	190.831.920.415	142.799.457.953
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	9.440.564.135.262	8.491.258.291.361
Nợ trung hạn	2.840.545.416.309	2.263.855.593.906
Nợ dài hạn	1.506.263.031.761	1.356.923.357.726
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay bằng VND	10.419.105.199.124	9.448.405.165.746
Cho vay bằng ngoại tệ, vàng	3.368.267.384.208	2.663.632.077.247
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	507.235.404.876	453.742.579.696
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ	113.331.267.266	32.759.416.618
Công ty TNHH khác	3.136.050.256.368	3.188.983.174.306
Công ty cổ phần có vốn của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	635.833.480.365	781.554.641.576
Công ty TNHH tư nhân	217.413.669.268	-
Công ty cổ phần khác	5.966.838.590.942	5.201.172.060.087
Doanh nghiệp tư nhân	-	201.269.651.363
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	203.499.515.831	212.110.212.580
Kinh tế tập thể - Hợp tác xã	277.471.313.189	375.056.880.337
Kinh tế cá thể - Hộ kinh doanh, cá nhân	2.688.378.708.309	1.620.030.135.573
Tổ chức khác	41.320.376.918	45.358.490.857
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp và thủy sản	1.481.569.343.540	1.554.968.745.083
Ngành công nghiệp khai khoáng	435.883.313.919	301.763.603.188
Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	5.008.476.579.558	4.246.270.053.142
Ngành phân phối điện khí đốt, nước và điều hòa không khí	3.651.992.000	12.034.038.377
Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	55.460.064.395	51.435.555.571
Ngành xây dựng	810.928.698.172	1.046.219.755.785
Ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, và xe có động cơ khác	2.459.886.552.028	2.417.918.454.626
Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống	74.197.433.386	85.661.622.898
Ngành vận tải kho bãi	1.014.079.686.818	962.582.955.277
Ngành thông tin và truyền thông	2.136.260.000	46.222.173.478
Ngành hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	606.795.000	30.363.687.476
Ngành hoạt động kinh doanh bất động sản	540.000.000	-
Ngành hoạt động khoa học và công nghệ	9.581.546.614	9.213.882.000
Ngành hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	21.768.305.158	42.921.441.538
Ngành giáo dục và đào tạo	2.284.330.643	1.308.470.590
Ngành y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	78.257.000.599	25.091.425.767
Ngành nghệ thuật và vui chơi giải trí	7.683.177.818	9.524.547.148
Ngành hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	222.715.521.246	137.679.736.058
Ngành hoạt động dịch vụ khác	2.097.665.982.438	1.130.857.094.991
	13.787.372.583.332	12.112.037.242.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCĐD

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2011			
Số dư đầu năm	80.998.722.761	24.271.705.860	105.270.428.621
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	31.310.100.420	77.487.049.504	108.797.149.924
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.258.044.040)	(5.983.009.348)	(28.241.053.388)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.022.500.000)	(2.022.500.000)
Số dư cuối năm	90.050.779.141	93.753.246.016	183.804.025.157
Năm 2012			
Số dư đầu năm	90.050.779.141	93.753.246.016	183.804.025.157
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	42.002.701.304	227.384.807.004	269.387.508.308
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(17.826.376.757)	(15.173.476.135)	(32.999.852.892)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(101.896.575.282)	(101.896.575.282)
Số dư cuối năm	114.227.103.688	204.068.001.603	318.295.105.291

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.988.586.661.238	2.085.817.170.899
<i>Chứng khoán Nợ</i>	<i>1.886.491.314.558</i>	<i>1.985.682.773.661</i>
- Chứng khoán Chính phủ	1.325.563.639.571	1.121.999.002.728
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	80.914.202.081	281.481.487.879
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	480.013.472.906	582.202.283.054
<i>Chứng khoán Vốn</i>	<i>102.095.346.680</i>	<i>100.134.397.238</i>
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	8.569.643.305	7.576.503.305
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	93.525.703.375	92.557.893.933
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(64.827.791.634)	(63.319.975.139)
	1.923.758.869.604	2.022.497.195.760

Giá trị ghi sổ của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.104.545.000 đồng (31/12/2011: 1.572.334.000.000 đồng).

Chi tiết chứng khoán Nợ	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trái phiếu kho bạc (i)	1.181.021.457.086	977.457.154.186
Trái phiếu phát triển đô thị (ii)	144.542.182.485	144.541.848.542
Trái phiếu công ty (iii)	480.013.472.906	582.202.283.054
Giấy tờ có giá do các ngân hàng khác phát hành (iv)	80.914.202.081	281.481.487.879
	1.886.491.314.558	1.985.682.773.661

- (i) Trái phiếu kho bạc có kỳ hạn 3 năm đến 15 năm bằng VND do Kho bạc Nhà nước phát hành. Các Trái phiếu này có mức lãi suất hàng năm từ 9,3%/năm đến 12,3%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (ii) Trái phiếu phát triển đô thị có kỳ hạn 10 năm và 15 năm bằng VND do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát hành có mức lãi suất từ 8,8%/năm đến 9,55%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (iii) Trái phiếu công ty bao gồm trái phiếu bằng VND do các tổ chức kinh tế phát hành với kỳ hạn từ 3 đến 10 năm và lãi suất từ 9,4%/năm đến 15,5%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (iv) Giấy tờ có giá khác bao gồm trái phiếu kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm bằng VND do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành, hưởng lãi suất từ 9,5%/năm đến 11,8%/năm, lãi được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCĐD

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Quỹ tầm nhìn SSI (i)	7.793.646.440	30.000.000.000
Chứng chỉ quỹ VF4	44.904.486.698	44.904.486.698
Quỹ đầu tư năng động (VFA)	10.150.000.000	10.150.000.000
Công ty TNHH Hóa chất PTN	487.808.858	604.802.839
	63.335.941.996	85.659.289.537
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(23.520.369.298)	(30.015.627.118)
	39.815.572.698	55.643.662.419

(i) Là khoản đầu tư mà Công ty quản lý Quỹ tầm nhìn SSI cam kết thanh toán cho Ngân hàng do Quỹ tầm nhìn SSI đã giải thể ngày 14 tháng 11 năm 2012. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, việc phân chia tài sản cho nhà đầu tư chưa hoàn thành nên Ngân hàng chưa phân loại khoản đầu tư này sang các tài khoản tương ứng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	144.039.354.892	9.162.815.850	47.600.829.977	105.674.702.508	213.021.000	306.690.724.227
Mua trong năm	24.375.916.977	2.193.215.585	14.716.219.100	16.466.657.725	159.038.000	57.911.047.387
Tăng khác	1.132.420.927	54.136.364	298.035.181	3.100.380	-	1.487.692.852
Thanh lý	(6.208.710.016)	(91.566.226)	(3.010.388.139)	(1.411.239.763)	-	(10.721.904.144)
Giảm khác	-	(79.400.000)	(75.219.812)	(20.297.973.756)	-	(20.452.593.568)
Tại ngày 31/12/2012	163.338.982.780	11.239.201.573	59.529.476.307	100.435.247.094	372.059.000	334.914.966.754
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	16.202.719.633	2.424.047.887	16.822.546.383	40.770.914.111	53.495.487	76.273.723.501
Trích khấu hao trong năm	10.654.009.656	1.880.079.044	8.133.920.706	20.339.957.917	59.339.537	41.067.306.860
Thanh lý, nhượng bán	(5.633.489.225)	(89.843.257)	(1.833.256.434)	(1.125.288.377)	-	(8.681.877.293)
Tại ngày 31/12/2012	21.223.240.064	4.214.283.674	23.123.210.655	59.985.583.651	112.835.024	108.659.153.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	142.115.742.716	7.024.917.899	36.406.265.652	40.449.663.443	259.223.976	226.255.813.686
Tại ngày 31/12/2011	127.836.635.259	6.738.767.963	30.778.283.594	64.903.788.397	159.525.513	230.417.000.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	16.080.041.750	39.467.918.548	83.000.000	55.630.960.298
Mua trong năm	3.875.280.000	1.146.172.280	153.030.096	5.174.482.376
Tại ngày 31/12/2012	19.955.321.750	40.614.090.828	236.030.096	60.805.442.674
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	-	18.516.777.282	47.000.000	18.563.777.282
Trích hao mòn trong năm	-	9.060.605.534	36.838.137	9.097.443.671
Tại ngày 31/12/2012	-	27.577.382.816	83.838.137	27.661.220.953
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	19.955.321.750	13.036.708.012	152.191.959	33.144.221.721
Tại ngày 31/12/2011	16.080.041.750	20.951.141.266	36.000.000	37.067.183.016

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Các khoản phải thu bên ngoài (*)	205.459.986.477	630.935.463.721
- Các khoản phải thu nội bộ	28.535.206.812	12.921.909.884
- Mua sắm tài sản cố định	2.923.202.275	9.033.298.043
	236.918.395.564	652.890.671.648

(*) Chi tiết các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ký quỹ, cầm cố thế chấp	50.447.668.756	70.042.610.125
Các khoản thanh toán với Ngân sách Nhà nước	1.528.431.933	6.175.601.089
Các khoản ủy thác đầu tư, môi giới chứng khoán (i)	82.780.000.000	508.070.605.135
Chi hỗ trợ lãi suất (ii)	5.807.271.164	7.999.948.671
Phải thu phí dịch vụ	2.291.177.465	938.735.348
Các khoản phải thu khác	62.605.437.159	37.707.963.353
	205.459.986.477	630.935.463.721

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện số tiền Ngân hàng đã chi cho các hợp đồng môi giới chứng khoán với khách hàng. Ngân hàng chịu rủi ro giảm giá đối với số tiền đã chuyển cho bên nhận ủy thác. Ban Giám đốc Ngân hàng đã đánh giá năng lực tài chính của bên nhận ủy thác và tin tưởng sẽ thu hồi đầy đủ các khoản ủy thác đầu tư này.

(ii) Các khoản chi hỗ trợ lãi suất thể hiện chi phí đã hỗ trợ cho khách hàng vay vốn được hưởng chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay của Chính phủ. Khoản tiền trên sẽ được Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản nhận gán nợ (i)	47.810.000.000	-
Chi phí chờ phân bổ	22.265.267.930	21.302.488.541
Tài sản Có khác	31.861.788.812	21.204.317.942
	101.937.056.742	42.506.806.483

(i) Tài sản nhận gán nợ là giá trị Quyền sử dụng lô đất tại phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh do khách hàng gán nợ cho Ngân hàng và đã được Hội đồng Quản trị của Ngân hàng phê duyệt theo Nghị quyết số 07/2012/NQ-HĐQT-PGB ngày 30/6/2012 về "Biện pháp xử lý nợ quá hạn và nhận gán nợ của bên bảo lãnh để thay thế nghĩa vụ trả nợ của bên vay vốn tại PGB". Ngân hàng đã thực hiện đánh giá và tin tưởng không có rủi ro về pháp lý cũng như giá trị trong việc thanh lý tài sản để thu hồi nợ.

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	623.908.496	1.851.095.529
- Bằng VND	623.908.496	1.851.095.529
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	-	3.355.720.000.000
- Bằng VND	-	960.500.000.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	-	2.395.220.000.000
	623.908.496	3.357.571.095.529
Vay các tổ chức tín dụng khác		
- Bằng VND	635.000.000.000	-
- Bằng vàng và ngoại tệ	2.790.952.000.000	-
	3.425.952.000.000	-
Tổng tiền, vàng gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.426.575.908.496	3.357.571.095.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.285.769.803.274	1.572.790.720.435
- Bằng VND	1.060.694.798.348	1.431.807.871.413
- Bằng ngoại tệ, vàng	225.075.004.926	140.982.849.022
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	10.911.263.435.668	9.204.817.929.533
- Bằng VND	9.427.568.651.906	8.008.662.699.643
- Bằng ngoại tệ, vàng	1.483.694.783.762	1.196.155.229.890
Tiền gửi vốn chuyên dùng	65.596.970	3.779.361.534
Tiền gửi ký quỹ	135.321.923.391	143.791.034.619
	12.332.420.759.303	10.925.179.046.121
Phân tích theo đối tượng khách hàng		
Tổ chức kinh tế	3.485.832.949.406	5.915.380.064.494
Cá nhân	8.846.587.809.897	5.009.798.981.627
	12.332.420.759.303	10.925.179.046.121

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn nhận ủy thác đầu tư bằng VND (*)	98.775.653.000	117.083.650.000
	98.775.653.000	117.083.650.000

(*) Thể hiện các khoản vốn nhận ủy thác từ NHNN cho vay tiếp các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), lãi suất ủy thác được điều chỉnh hàng quý bằng lãi suất cơ bản do NHNN thông báo áp dụng cho ngày làm việc cuối cùng của quý trước trừ đi 1,5%/năm

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kỳ phiếu	421.926.378	1.977.401.615
- Kỳ phiếu kỳ hạn dưới 12 tháng	421.926.378	1.977.401.615
	421.926.378	1.977.401.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả và công nợ khác	16.660.220.209	54.686.396.355
- Các khoản phải trả nội bộ	9.181.784.842	5.785.300.080
- Các khoản phải trả bên ngoài (*)	7.473.649.986	45.155.818.986
- Các tài sản Nợ khác	4.785.381	3.745.277.289
Dự phòng rủi ro khác	18.302.746.883	14.025.117.350
- Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	18.302.746.883	14.025.117.350
	34.962.967.092	68.711.513.705
(*) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài		
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	93.406.553	37.184.118.386
- Doanh thu chờ phân bổ	-	3.541.424.656
- Các khoản phải trả khác	7.380.243.433	4.430.275.944
	7.473.649.986	45.155.818.986

21. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.000.000.000.000	504.422.722.299	2.504.422.722.299
Tăng vốn điều lệ (i)	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	239.984.673.581	239.984.673.581
Trích lập các quỹ (ii)	-	(104.498.707.190)	(104.498.707.190)
Chia cổ tức trong năm (iii)	-	(604.968.000.000)	(604.968.000.000)
Số dư cuối năm	3.000.000.000.000	34.940.688.690	3.034.940.688.690

(i) Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 13-2011/NQ-HĐQT-PGB ngày 30 tháng 12 năm 2011 và đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 10 tháng 02 năm 2012. Theo đó, tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 1.000.000.000.000 đồng, trong đó 360.000.000.000 đồng là trả cổ tức bằng cổ phiếu.

(ii) Khoản trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/2012.NQĐHCĐ-PGB ngày 12 tháng 4 năm 2012. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 sẽ được thực hiện sau phiên họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

(iii) Chia cổ tức trong năm gồm 316.668.307.654 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/2012.NQĐHCĐ-PGB ngày 12 tháng 4 năm 2012 và tạm ứng cổ tức năm 2012 với số tiền là 205.043.984.890 đồng từ lợi nhuận 5 tháng năm 2012 và 39.924.015.110 đồng từ lợi nhuận từ các năm trước được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 04/2012.NQĐHCĐ-PGB ngày 16 tháng 6 năm 2012. Còn 43.331.692.346 được chi trả theo nghị quyết số 11/2011/NQĐHCĐ-PGB ngày 09/11/2011 trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

21. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động điều chỉnh	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2012	
	VND	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	40,00%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	63.857.600.000	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.736.142.400.000	1.800.000.000.000	60,00%
	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	100%

22. CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	650.000.000	49.362.343.784	21.773.842.126	9.644.811.217	81.430.997.127
Trích quỹ	-	42.394.202.965	22.312.738.403	39.791.765.822	104.498.707.190
Chi quỹ	-	-	-	(26.837.376.992)	(26.837.376.992)
Số dư cuối năm	650.000.000	91.756.546.749	44.086.580.529	22.599.200.047	159.092.327.325

23. THU NHẬP TỪ LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	146.956.423.844	482.075.709.553
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	1.760.108.520.939	2.007.484.695.318
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	247.397.781.545	218.752.396.762
Thu khác từ hoạt động tín dụng	102.492.705.721	109.502.628.468
	2.256.955.432.049	2.817.815.430.101

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2012	2011
	VND	VND
Trả lãi tiền gửi	1.206.744.136.999	1.621.436.847.690
Trả lãi tiền vay	63.214.571.837	53.369.049.976
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	34.382.218	30.398.473.529
Chi phí hoạt động tín dụng khác	6.241.032.851	16.250.104.100
	1.276.234.123.905	1.721.454.475.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	VND
Thu từ dịch vụ thanh toán	11.872.207.028	12.102.935.017
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	18.111.857.950	15.006.064.195
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	4.826.950.587	3.187.910.475
Thu từ dịch vụ tư vấn	1.562.723.920	18.330.504.162
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	1.950.540	-
Thu từ dịch vụ bảo quản tài sản	64.000.000	127.502.983
Thu khác	27.215.971.640	35.794.115.625
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	63.655.661.665	84.549.032.457
Chi về dịch vụ thanh toán	4.369.849.110	4.145.452.185
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	8.699.338.490	7.217.402.379
Chi về kiểm đếm, phân loại và đóng gói tiền	5.240.091.119	3.826.388.640
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	1.929.444.458	1.189.999.999
Chi về dịch vụ tư vấn	771.985.500	1.073.704.427
Chi về hoa hồng môi giới	22.958.402	4.705.257.547
Chi khác	14.735.767.759	16.943.346.194
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	35.769.434.838	39.101.551.371
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27.886.226.827	45.447.481.086

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	49.554.978.957	61.488.544.241
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	37.375.315.174	31.883.791.466
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	12.179.663.783	29.604.752.775
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.183.380.550	39.193.772.589
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	15.753	34.353.822.916
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	5.183.364.797	4.839.949.673
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	44.371.598.407	22.294.771.652

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	22.114.094.341	103.027.797.584
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(451.055.261)	(101.151.664.844)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(11.665.487.000)	(51.820.066.593)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	24.446.574.765	-
	34.444.126.845	(49.943.933.853)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

28. LÃI THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thu về các công cụ tài chính phái sinh	29.133.096.947	38.455.413.339
Thu nhập khác	65.836.391.802	81.097.509.871
Chi về các công cụ tài chính phái sinh	(25.631.262.687)	(34.064.746.758)
Chi phí khác	(3.545.352.516)	(36.792.336.674)
	65.792.873.546	48.695.839.778

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	16.193.999.827	12.240.782.948
Chi phí cho nhân viên	220.828.535.583	201.134.963.656
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	200.818.159.104	183.690.030.645
- Các khoản chi đóng góp theo lương	19.588.705.931	16.148.400.655
- Chi trợ cấp	421.670.548	1.296.532.356
Chi về tài sản	113.647.701.834	94.899.111.524
Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	50.072.201.584	40.443.316.846
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	191.259.639.786	110.931.479.999
Trong đó:		
- Công tác phí	4.122.140.596	2.898.259.641
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	7.319.778.180	6.254.870.010
Chi phí dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn	-	27.928.034.660
Chi phí hoạt động khác	7.793.646.440	-
	557.043.301.650	453.389.242.797

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	318.967.697.945	594.385.913.608
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	11.256.503.971	6.371.850.154
- Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	5.517.620.400	6.371.850.154
- Doanh thu đã loại trừ khi tính thuế TNDN năm 2011	5.738.883.571	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.220.903.481	4.510.518.765
Thu nhập chịu thuế	315.932.097.455	592.524.582.219
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	78.983.024.364	148.131.145.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	239.984.673.581	446.254.768.053
Số cổ phiếu đầu năm	Cổ phần	200.000.000	200.000.000
Số cổ phiếu đã phát hành trong năm	Cổ phần	100.000.000	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	273.322.404	236.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	878	1.891

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	2012	2011
	VND	VND
I. Tổng số cán bộ, CNV (cuối năm/bình quân)	1.441/1.410	1.375/1.287
II. Thu nhập của cán bộ, CNV		
1. Tổng quỹ lương (1)	163.324.748.011	124.343.864.379
2. Tiền thưởng (2)	34.854.896.842	34.823.198.909
3. Tổng thu nhập (1+2)	198.179.644.853	159.167.063.288
4. Tiền lương bình quân	9.652.763	8.057.534
5. Thu nhập bình quân	11.712.745	10.302.742

33. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bất động sản (nhà, đất, xe)	10.877.888.077.488	8.988.191.104.769
Cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá	2.699.692.147.440	1.672.882.676.513
Máy móc thiết bị	10.525.704.708.351	9.892.266.829.465
Tài sản bảo đảm khác	4.223.518.081.340	4.411.102.903.770
	28.326.803.014.619	24.964.443.514.517

34. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần lớn các số dư nợ cho vay, tiền gửi, cam kết tín dụng, công cụ phái sinh và đầu tư chứng khoán đều phát sinh trong nước trừ các khoản tiền gửi tại các TCTD ngoài nước với giá trị là 75.099.630.350 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 37.970.167.093 đồng).

35. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cam kết hoán đổi lãi suất danh nghĩa	2.465.170.838.000	2.465.170.838.000
Cam kết mua ngoại tệ trao ngay	-	31.242.000.000
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ (mua)	224.942.400.000	6.737.149.848
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ (bán)	142.458.468.361	6.858.125.000
Cam kết mua hàng hóa tương lai	29.490.365.200	13.158.349.350
Cam kết bán hàng hóa tương lai	48.664.622.000	9.997.440.000
	2.910.726.693.561	2.533.163.902.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Ngân hàng quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Ngân hàng gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Ngân hàng áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính của Ngân hàng được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	201.123.428.291	228.299.047.661
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	416.124.061.792	748.922.723.773
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.389.624.369.149	1.403.467.339.527
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.229.058.279	119.715.058
Cho vay khách hàng	13.469.077.478.041	11.928.233.217.836
Chứng khoán đầu tư	1.923.758.869.604	2.022.497.195.760
Đầu tư dài hạn	39.815.572.698	55.643.662.419
Tài sản Có khác	510.950.903.838	848.776.680.455
Tổng cộng	18.952.703.741.692	17.235.959.582.489

Giá trị ghi sổ của các công nợ tài chính của Ngân hàng được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	400.000.000.000
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.426.575.908.496	3.357.571.095.529
Tiền gửi của khách hàng	12.332.420.759.303	10.925.179.046.121
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	98.775.653.000	117.083.650.000
Phát hành giấy tờ có giá	421.926.378	1.977.401.615
Các khoản Nợ khác	171.092.687.813	128.758.104.155
Tổng cộng	16.029.286.934.990	14.930.569.297.420

Ngân hàng chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả các phương pháp mà Ban Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính lớn nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá), rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng.

Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và các khoản nợ chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể, hoặc chịu nhiều ảnh hưởng của biến động lãi suất và không tương ứng với khoản công nợ cụ thể nào. Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc quản lý nguồn vốn tập trung. Rủi ro lãi suất được quản lý hàng tuần và duy trì trong giới hạn mức chấp nhận rủi ro theo mục tiêu, chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và phù hợp với chính sách của Hội đồng quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ (ALCO). Quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện theo hai phương pháp: phương pháp phân tích khe hở nhạy cảm lãi suất và phương pháp phân tích giá trị ròng vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BÁO CÁO RỦI RO LÃI SUẤT VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Không nhạy cảm lãi suất		Từ 0-1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I. Tài sản có	1.408.715.198.939	4.523.555.589.385	4.240.062.022.892	2.408.355.802.516	984.387.620.737	1.390.800.009.053	212.526.489.441	15.168.402.732.963
1 Tiền mặt, vàng	139.013.139.933	-	-	-	-	-	-	139.013.139.933
2 Tiền gửi tại NHNN	-	339.050.332.302	-	-	-	-	-	339.050.332.302
3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	1.105.362.775.040	134.000.000.000	-	-	-	-	1.239.362.775.040
4 Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	101.524.287.238	200.000.000.000	300.000.000.000	1.247.000.000.000	140.664.991.392	1.989.189.278.630
5 Cho vay	290.927.052.510	3.079.142.482.043	4.004.537.735.654	2.208.355.802.516	684.387.620.737	143.800.009.053	7.954.496.611	10.419.105.199.124
6 Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	63.907.001.438	63.907.001.438
7 Tài sản cố định	259.400.035.407	-	-	-	-	-	-	259.400.035.407
8 Tài sản Có khác	719.374.971.089	-	-	-	-	-	-	719.374.971.089
II. Tài sản nợ	590.278.819.008	3.512.960.401.573	1.781.676.267.365	172.248.711.066	5.671.005.246.075	42.722.379.316	-	11.770.891.824.403
1 Tiền gửi và vay các TCTD	-	100.623.908.496	535.000.000.000	-	-	-	-	635.623.908.496
2 Tiền gửi tổ chức kinh tế	-	2.235.503.262.797	918.614.504.880	78.611.281.071	23.933.901.690	171.500.000	-	3.256.834.450.438
3 Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	1.176.411.303.902	328.061.762.485	93.637.429.995	5.647.071.344.385	42.550.879.316	-	7.287.732.720.083
4 Phát hành giấy tờ có giá	-	421.926.378	-	-	-	-	-	421.926.378
5 Nhận vốn ủy thác TCTD chịu rủi ro	98.775.653.000	-	-	-	-	-	-	98.775.653.000
6 Tài sản Nợ khác	491.503.166.008	-	-	-	-	-	-	491.503.166.008
III. Khe hở lãi suất	818.436.379.931	1.010.595.187.812	2.458.385.755.527	2.236.107.091.450	(4.686.617.625.338)	1.348.077.629.737	212.526.489.441	3.397.510.908.560

Với giả định các khoản cho vay trung dài hạn đều có lãi suất thả nổi, có ngày thay đổi lãi suất rơi vào đồng đều trong 12 tháng tới; thay đổi đồng đều ở tất cả các kỳ hạn, thu nhập ròng (NII) của ngân hàng trong 12 tháng tới thay đổi như sau:
+ Lãi suất VND tăng 1%; NII giảm 19 tỷ VND;
+ Lãi suất VND giảm 1%; NII tăng 19 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BÁO CÁO RỦI RO LÃI SUẤT USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Không nhạy cảm lãi suất		Từ 0-1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I. Tài sản có	6.757.588	74.573.479	74.081.011	62.999.342	2.873.026	39.064	4.962.544	226.286.054
1 Tiền mặt, vàng	2.653.371	-	-	-	-	-	-	2.653.371
2 Tiền gửi tại NHNN	-	3.700.486	-	-	-	-	-	3.700.486
3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	54.109.746	-	-	-	-	-	54.109.746
4 Cho vay	-	16.763.247	74.081.011	62.999.342	2.873.026	39.064	4.962.544	161.718.234
5 Tài sản Có khác	4.104.217	-	-	-	-	-	-	4.104.217
II. Tài sản nợ	9.420.124	123.231.195	78.165.192	822.559	1.872.694	78.706	-	213.590.470
1 Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	63.500.000	59.000.000	-	-	-	-	122.500.000
2 Tiền gửi tổ chức kinh tế	-	11.306.699	-	-	-	-	-	11.306.699
3 Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	48.424.496	19.165.192	822.559	1.872.694	78.706	-	70.363.647
4 Tài sản Nợ khác	9.420.124	-	-	-	-	-	-	9.420.124
III. Khe hở lãi suất	(2.662.536)	(48.657.716)	(4.084.180)	62.176.783	1.000.331	(39.642)	4.962.544	12.695.584

Giả định các khoản cho vay trung dài hạn đều có lãi suất thả nổi, có ngày thay đổi lãi suất rơi vào đồng đều trong 12 tháng tới; cơ cấu tài sản Nợ - Có ổn định, khi lãi suất thay đổi đồng đều ở tất cả các kỳ hạn, thu nhập ròng (NII) của ngân hàng trong 12 tháng tới thay đổi như sau:

+ Lãi suất USD tăng 1%; NII giảm 433 nghìn USD;
+ Lãi suất USD giảm 1%; NII tăng 433 nghìn USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ. Ngân hàng chủ yếu sử dụng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để hạch toán các hoạt động của mình. Do báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập bằng Đồng Việt Nam, các báo cáo tài chính của Ngân hàng bị ảnh hưởng bởi những biến động tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và Đồng Việt Nam.

Chỉ tiêu	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	6.845.877.170	55.264.411.188	62.110.288.358
Tiền gửi tại NHNN	-	77.073.729.490	77.073.729.490
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	23.263.825.249	1.126.997.768.860	1.150.261.594.109
Cho vay khách hàng	-	3.368.267.384.208	3.368.267.384.208
Tài sản Có khác	45.153.326	64.700.772.986	64.745.926.312
Tổng tài sản	30.154.855.745	4.692.304.066.732	4.722.458.922.477
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2.790.952.000.000	2.790.952.000.000
Tiền gửi của khách hàng	62.014.189.615	1.725.931.610.868	1.787.945.800.483
Các khoản nợ khác	(31.859.333.870)	175.420.455.864	143.561.121.994
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	30.154.855.745	4.692.304.066.732	4.722.458.922.477
Trạng thái tiền tệ nội bảng	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Ngân hàng đối mặt với rủi ro thanh khoản thông qua các giao dịch rút vốn liên tục trong thời hạn rất ngắn, các tài khoản tiền gửi vãng lai, các khoản tiền gửi đến hạn, rút vốn, bảo lãnh, các nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt đối với các công cụ phái sinh.

Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến việc quản lý hiệu quả bằng cân đối kế toán và tính thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng dựa trên các quy định và giới hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 05/TCTD

BÁO CÁO KHÊ HỖ THANH KHOẢN VND Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I. Luồng tiền vào	1.160.144.423.255	336.680.609.099	3.485.514.958.653	2.452.747.459.018	4.277.501.628.286	2.866.185.389.472	589.628.265.181	15.168.402.732.964
1 Tiền mặt, vàng	-	-	139.013.139.933	-	-	-	-	139.013.139.933
2 Tiền gửi tại NHNN	-	-	339.050.332.302	-	-	-	-	339.050.332.302
3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	-	1.105.362.775.040	134.000.000.000	-	-	-	1.239.362.775.040
4 Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	101.524.287.238	500.000.000.000	1.247.000.000.000	140.664.991.392	1.989.189.278.630
5 Cho vay khách hàng	1.160.144.423.255	336.680.609.099	1.781.319.176.036	1.977.431.514.751	3.418.687.849.567	1.619.185.389.472	125.656.236.944	10.419.105.199.124
6 Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	63.907.001.438	63.907.001.438
7 Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	259.400.035.407	259.400.035.407
8 Tài sản có khác	-	-	120.769.535.342	239.791.657.029	358.813.778.719	-	-	719.374.971.090
II. Luồng tiền ra	-	-	2.840.656.398.991	2.126.974.138.150	6.525.394.465.663	628.004.271.857	2.407.434.260.685	14.528.463.535.346
1 Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	100.623.908.496	535.000.000.000	-	-	-	635.623.908.496
2 Tiền gửi tổ chức kinh tế	-	-	1.508.730.315.337	996.076.471.526	513.248.085.755	182.640.570.473	45.617.205.717	3.246.312.648.808
3 Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	1.149.036.890.426	332.169.517.782	5.765.350.525.712	49.880.532.824	1.817.054.968	7.298.254.521.712
4 Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	421.926.378	-	-	-	421.926.378
5 Nhận vốn ủy thác TCTD chịu rủi ro	-	-	-	98.775.653.000	-	-	-	98.775.653.000
6 Tài sản nợ khác	-	-	82.265.284.732	164.530.569.464	246.795.854.196	-	-	493.591.708.392
7 Vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	2.360.000.000.000	2.360.000.000.000
8 Vốn và quỹ khác	-	-	-	-	-	395.483.168.560	-	395.483.168.560
Khê hở thanh khoản	1.160.144.423.255	336.680.609.099	644.858.559.662	325.773.320.868	(2.247.892.837.377)	2.238.181.117.615	(1.817.805.995.504)	639.939.197.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BÁO CÁO KHE HỖ THANH KHOẢN USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I. Luồng tiền vào	52.941	1.311.528	69.181.075	47.140.754	65.061.222	25.024.631	18.513.904	226.286.055
1 Tiền mặt, vàng	-	-	2.653.371	-	-	-	-	2.653.371
2 Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.700.486	-	-	-	-	3.700.486
3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	-	54.109.746	-	-	-	-	54.109.746
4 Cho vay khách hàng	52.941	1.311.528	8.033.436	45.772.682	63.009.113	25.024.631	18.513.904	161.718.235
5 Tài sản có khác	-	-	684.036	1.368.072	2.052.109	-	-	4.104.217
II. Luồng tiền ra	-	-	125.516.175	79.114.203	19.372.337	1.842.469	440.871	226.286.055
1 Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	63.500.000	59.000.000	11.500.000	-	-	134.000.000
2 Tiền gửi Tổ chức kinh tế	-	-	4.292.443	881.743	3.967.843	1.763.486	440.871	11.346.386
3 Tiền gửi tiết kiệm cá nhân	-	-	48.303.608	19.232.460	3.904.494	78.983	-	71.519.545
4 Tài sản nợ khác	-	-	9.420.124	-	-	-	-	9.420.124
Khe hở thanh khoản	52.941	1.311.528	(56.335.100)	(31.973.449)	45.688.885	23.182.162	18.073.033	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Ngân hàng thường gặp rủi ro tín dụng thông qua hoạt động cấp vốn vay, các hoạt động đầu tư, khi Ngân hàng đảm nhiệm vai trò trung gian thay mặt khách hàng hoặc một bên thứ ba hoặc khi Ngân hàng phát hành bảo lãnh. Ngoài ra, Ngân hàng cũng gặp phải rủi ro tín dụng đối với các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán thông qua các cam kết gia hạn tín dụng hoặc gia hạn bảo lãnh mà Ngân hàng đã phát hành.

Ngân hàng cũng đối mặt với nguy cơ này khi các đối tác không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do bị nghi ngờ về tính hoạt động liên tục. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng không tập trung cấp tín dụng quá cao cho một khách hàng, một ngành/nghề/ lĩnh vực, các nhóm khách hàng/ngành/nghề có liên quan với nhau, một loại tiền tệ, một loại sản phẩm và tại một địa bàn. Việc cấp tín dụng cho một dự án lớn hay một khoản vay lớn phải được thực hiện theo chế độ tập thể (thông qua nhiều cấp xét duyệt và biểu quyết của Hội đồng tín dụng với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng) để đảm bảo tính khách quan.

Phương pháp quản lý rủi ro tín dụng dựa trên việc thiết lập các định mức/cơ cấu quản lý các rủi ro tín dụng và quản lý danh mục cho vay.

37. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Ngân hàng có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	2012		2011	
	USD	VND tương đương (*)	USD	VND tương đương (*)
Bán ngoại tệ cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	2.680.726.264,98	55.834.166.647.003	2.815.971.091,76	58.651.045.899.177
Thu phí dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu và hệ thống		21.084.995.225		22.798.856.837
Thu nhập của những người điều hành:				
		2012 VND		2011 VND
Lương và các khoản thưởng		11.124.860.124		10.184.990.571

(*) Tỷ giá quy đổi bình quân 20.828 VND/USD (năm 2011: 20.828 VND/USD).

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	297.965.286.640	553.538.643.087
Cho vay các khách hàng thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	543.060.691.069	645.618.392.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo **MẪU SỐ B 05/TCTD**

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



[Handwritten signature]

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2013

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Hào
Giám đốc Tài chính



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH



HỘI SỞ CHÍNH

Tầng 16, 23, 24, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội

ĐT: (+84) 4 6281 1298
Fax: (+84) 4 6281 1299
Website: www.pgbank.com.vn
Email: dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn



HÀ NỘI

Trung tâm Thẻ

Tầng 16, Tòa nhà MIPEC số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 6281 1298

Chi nhánh Hà Nội

Số 79 Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3944 8899

PGD Nguyễn Công Hoan

Số 84/9 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: 04 3771 1342

PGD Bách Khoa

Số 101-E7 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3623 0737

PGD Trung Hòa

Số 18T1-18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
ĐT: 04 6026 2666

PGD Thái Thịnh

Số 192 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3514 9141

PGD Nguyễn Ngọc Nại

Số 227 Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
ĐT: 04 3566 6544

PGD Trương Định

402-406 Trương Định, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: 04 3662 9236

PGD Hoàng Cầu

1 Võ Văn Dũng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3537 9561

PGD Kim Liên

101A, nhà C5, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3576 5536

PGD Trung Kính

Số 47 Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3783 4032

PGD Hà Đông

12 Trần Phú, phường Văn Mỗ, quận Hà Đông, TP Hà Nội
ĐT: 04 3356 0710

PGD Võ Thị Sáu

64-66 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3625 5075

PGD Hoàng Mai

Ô 7 Lô 7 Đền Lừ 2, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: 04 3634 3591

PGD Tây Đô

729 Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
ĐT: 04 3311 9335

QTK Khâm Thiên

340 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 3513 4602

QTK Từ Liêm

BT 205, Khu liên cơ Viglacera Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3783 4191

QTK Lò Đức

125G Lò Đức, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3972 8810

PGD Tây Sơn

Tầng 1, toà nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 04 6277 0297

Chi nhánh Thăng Long

Số 552 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội
ĐT: 04 38727158

PGD Đức Giang

Số 26 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội
ĐT: 04 3655 7524

PGD Trâu Quỳ

Số 7 Ngõ Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3876 0046

PGD Lê Hồng Phong

Số 71 Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: 04 3734 7818

PGD An Dương

Số 5 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, TP Hà Nội
ĐT: 04 3717 2890

PGD Lạc Long Quân

Số 105 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3759 1819

PGD Đường Thành

Số 12 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3923 3760

PGD Cầu Diễn

406 Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3763 4613

PGD Tô Hiệu

227 Tô Hiệu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
ĐT: 04 3791 6356

PGD Phạm Hùng

Tháp CEO, HH2-1, đô thị mới Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3787 6945

PGD Tông Đản

18B Tông Đản, phường Tràng Tiển, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3939 3343

PGD Lai Xá

Ô 1, Lô 7, KCN Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
ĐT: 04 3366 0833

QTK Phú Thụy

Thôn Phú Thụy xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
ĐT: 04 3871 7803

QTK Đông Anh

Số 55, tổ 9, khu 1B, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
ĐT: 04 3965 6291

PGD Minh Khai

Số 122 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
ĐT: 04 3974 4866/3974 4862

QTK Khương Đình

Số 230A Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
ĐT: 04 3551 0445

QTK Văn Quán

Số 84 Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội
ĐT: 04 3354 0360

QTK Lĩnh Nam

Số 237 Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: 04 3533 4360

QTK Cửa Bắc

Số 40 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: 04 3715 4283

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Sài Gòn

Số 2.5, 2.8 Phan Xích Long, phường 3, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3517 8171

PGD Trần Hưng Đạo

223 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3920 9101

PGD Lạc Long Quân

Số 482 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3975 2115

PGD Lý Thái Tổ

Số 49 Lý Thái Tổ, phường 1, quận 10, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3830 1764

PGD Lê Hồng Phong

134, 134A Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3922 5368

PGD Hoàng Văn Thụ

Số 15 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3995 9275

PGD Phạm Viết Chánh

Số 19 Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3926 0383

PGD Nguyễn Thị Minh Khai

Số 188 Pasteur, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3824 2021

PGD Hồng Bàng

595 Hồng Bàng, phường 6, quận 6, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3960 3318

PGD Gò Vấp

A0 Khu thương mại Hạnh Thông Tây, đường Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3921 2560

PGD Lê Văn Sỹ

Số 380 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3991 5485

PGD Tân Bình

Số 374, 374A đường Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3812 4107

PGD Phú Mỹ Hưng

số 29 khu phố Mỹ Hoàng, đường Nguyễn Văn Linh, quận 7, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 5412 4706

PGD Nhà Bè

67/3 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3873 8972

PGD Tân Phú

số 313 đường Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3972 1055

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh Đà Nẵng

Số 143, 145 đường Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
ĐT: 0511 3689 777

HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng

Số 22 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 822 238

PGD Ngô Quyền

Số 147 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 727 596

PGD Quang Trung

Số 73 Phan Bội Châu, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 529 569

PGD Lê Chân

158 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 612 616

PGD Lạch Tray

416 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
ĐT: 0313 261 222

CẦN THƠ

Chi nhánh Cần Thơ

Số 110 đường Cách mạng Tháng 8, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
ĐT: 0710 3768 900

PGD Ninh Kiều

Số 55A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
ĐT: 0710 3818 055

QUẢNG NINH

Chi nhánh Quảng Ninh

156B Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 812 679

PGD Cẩm Phả

258 đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 968 879

PGD Hà Tu

Số 204, tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 0333 635 966

ĐỒNG NAI

Chi nhánh Đồng Nai

Số 16-17 đường Đồng Khởi, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 061 6250 777

PGD Hồ Nai

149 Xa lộ Hà Nội, KP 5A, phường Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: 061 6255 552

BÀ RỊA VŨNG TÀU

Chi nhánh Vũng Tàu

Số 5 Nguyễn Thái Học, phường 7, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3543 441

KHÁNH HOÀ

Chi nhánh Khánh Hòa

84 Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
ĐT: 058 3521 919

BÌNH DƯƠNG

Chi nhánh Bình Dương

Số 153 đường Cách Mạng Tháng Tám, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650 3865 678

ĐỒNG THÁP

Chi nhánh Đồng Tháp

132-134 Nguyễn Huệ, phường 2, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3874 232

PGD Cao Lãnh

Số 198 Nguyễn Trãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3822 030

PGD Sa Đéc

122 Hùng Vương, phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067 3774 615

HẢI DƯƠNG

Chi nhánh Hải Dương

Số 01, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320 3848 600

PGD Đông Nam Cường

Số nhà 65, đường Thanh Niên, phường Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320 3551 599

LONG AN

Chi nhánh Long An

số 304 đường Hùng Vương, thị xã Tân An, tỉnh Long An
ĐT: 072 3525 454

PGD Bến Lức

Số 159 đường Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
ĐT: 072 3639 224

AN GIANG

Chi nhánh An Giang

56-58 đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
ĐT: 076 3941 249

BẮC NINH

Chi nhánh Bắc Ninh

Số 10 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiễn An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 0241 3893 500

QTK Từ Sơn

Trung tâm thương mại Thanh Ngọc, Phố Mới, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 0241 3745 798

